



QUẢN LÝ, SỬ DỤNG KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ ĐƯỜNG SẮT NĂM 2020

Bất cập trong việc lập và giao dự toán

TRANG 7

CHÍNH TRỊ

Chấp hành nghiêm túc nghĩa vụ của người tố cáo

CÔNG MINH

Tháng 3/1960, Hồ Chủ tịch đã chỉ rõ: “Đồng bào có oan ức mới khiếu nại, tố cáo hoặc vì chưa hiểu rõ chính sách của Đảng và Chính phủ mà khiếu nại, tố cáo. Ta phải giải quyết nhanh, tốt thì đồng bào thấy rõ Đảng và Chính phủ quan tâm lo lắng đến quyền lợi của họ, do đó mối quan hệ giữa nhân dân với Đảng và Chính phủ càng được củng cố hơn”.

Trong giải quyết tố cáo, cùng với cố gắng thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ của người giải quyết tố cáo, còn rất cần việc thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ, trách nhiệm của người tố cáo. Những năm gần đây, bên cạnh những ưu điểm là cơ bản thì hoạt động tố cáo ở nước ta cũng đã xuất hiện một số bất cập, hạn chế, khuyết điểm...

TRANG 2

GÓC NHÌN

ĐỂ BẢO ĐẢM AN NINH MÔI TRƯỜNG Ở VIỆT NAM

TS. NGUYỄN MINH PHONG

An ninh môi trường (ANMT) thuộc lĩnh vực an ninh phi truyền thống, là trạng thái các yếu tố cấu thành môi trường cân bằng, bảo đảm điều kiện sống và phát triển của con người và các loài sinh vật, bảo đảm không gây tác động lớn đến sự ổn định chính trị, xã hội và phát triển kinh tế quốc gia.

Ở Việt Nam, ANMT đang bị đe dọa nghiêm trọng, với hàng loạt thách thức về ô nhiễm không khí, đất, nguồn nước; sự suy thoái về tài nguyên, đa dạng sinh

học, thiên tai, bệnh dịch và tội phạm về môi trường. Theo Bộ Tài nguyên và Môi trường, ô nhiễm môi trường gây tổng thiệt hại kinh tế của nước ta trong thời gian qua từ 1,5-3% GDP. Theo Ngân hàng Thế giới, Việt Nam xếp thứ 79/132 quốc gia được khảo sát về Chỉ số hiệu quả môi trường (EPI), xếp thứ 123 về ảnh hưởng của chất lượng không khí, xếp thứ 80 về chất lượng nước và xếp thứ 77 về ảnh hưởng của môi trường đến sức khỏe.

Theo Báo cáo tổng kết của Cục Cảnh sát môi trường, năm 2020, trên phạm vi cả nước, có tới 70% khu công nghiệp không

có hệ thống xử lý nước thải đạt chuẩn; hơn 90% cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không xử lý nước thải; hơn 4.500 cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; khoảng 55-70% số doanh nghiệp không chấp hành quy định về lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc cam kết bảo vệ môi trường; 98% doanh nghiệp có hành vi vi phạm về xả nước thải không đạt chuẩn môi trường; 100% doanh nghiệp thải khí không có thiết bị xử lý chất độc hại. 46% số làng nghề trong diện điều tra có môi trường bị ô nhiễm nặng, 27% làng nghề ô nhiễm vừa.

TRANG 3

HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN

Kiểm soát từ sớm, từ xa để phòng ngừa, nâng cao chất lượng kiểm toán

TRANG 6

KINH TẾ - ĐẦU TƯ

Gia tăng nguồn lực cho đầu tư phát triển nhờ các khu công nghiệp, khu kinh tế

TRANG 12

TÀI CHÍNH - KINH DOANH

Năm vấn đề cần sửa đổi Luật Đất đai 2013

TRANG 14

CHẤP HÀNH NGHIÊM TÚC NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI TỐ CÁO

CÔNG MINH

Tháng 3/1960, Hồ Chủ tịch đã chỉ rõ: “Đồng bào có oan ức mới khiếu nại, tố cáo hoặc vì chưa hiểu rõ chính sách của Đảng và Chính phủ mà khiếu nại, tố cáo. Ta phải giải quyết nhanh, tốt thì đồng bào thấy rõ Đảng và Chính phủ quan tâm lo lắng đến quyền lợi của họ, do đó mối quan hệ giữa nhân dân với Đảng và Chính phủ càng được củng cố hơn”.

Trong giải quyết tố cáo, cùng với cố gắng thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ của người giải quyết tố cáo, còn rất cần việc thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ, trách nhiệm của người tố cáo. Những năm gần đây, bên cạnh những ưu điểm là cơ bản thì hoạt động tố cáo ở nước ta cũng đã xuất hiện một số bất cập, hạn chế, khuyết điểm. Thậm chí đã có những hành vi sai phạm nghiêm trọng trong tố cáo phải bị xét xử hình sự. Vì vậy, thực hiện tốt các quy định của pháp luật về việc tố cáo là yêu cầu quan trọng đặt ra hiện nay.

Hiến pháp nước ta đã quy định rõ tại Điều 30: “1. Mọi người có quyền khiếu nại, tố cáo với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền về những việc làm trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân... 3. Nghiêm cấm việc trả thù người khiếu nại, tố cáo hoặc lợi dụng quyền khiếu nại, tố cáo để vu khống, vu cáo làm hại người khác”.

Tại Điều 8 của Luật Tố cáo năm 2018 quy định rất cụ thể các hành vi bị nghiêm cấm đối với người tố cáo, như sau: “10. Cố ý tố cáo sai sự thật; cưỡng ép, lôi kéo, kích động, dụ dỗ, mua chuộc người khác tố cáo sai sự thật; sử dụng họ tên của người khác để tố cáo. 11. Mua chuộc, hối lộ, đe dọa, trả thù, xúc phạm người giải quyết tố cáo. 12. Lợi dụng quyền tố cáo để tuyên truyền chống Nhà nước, xâm phạm lợi ích của Nhà nước, gây rối an ninh, trật tự công cộng; xuyên tạc, vu khống, xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của người khác. 13. Đưa tin sai sự thật về việc tố cáo và giải quyết tố cáo”.

Luật Tố cáo có quy định cụ thể về nghĩa vụ của người tố cáo tại Điều 9: “a. Cung cấp thông tin cá nhân quy định



Toàn cảnh Phiên họp thứ Năm, Đoàn giám sát về “Việc thực hiện pháp luật về tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo từ ngày 01/7/2016 đến ngày 01/7/2021”. Ảnh: quochoi.vn

tại Điều 23 của Luật này; b. Trình bày trung thực về nội dung tố cáo; cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung tố cáo của mình; c. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung tố cáo; d. Hợp tác với người giải quyết tố cáo khi có yêu cầu; đ. Bồi thường thiệt hại do hành vi cố ý tố cáo sai sự thật của mình gây ra”.

Luật Tố cáo cũng có quy định rõ về việc khen thưởng và xử lý vi phạm đối với người tố cáo. Theo đó: “Người tố cáo trung thực, tích cực cộng tác với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong việc phát hiện, ngăn chặn và xử lý hành vi vi phạm pháp luật thì được khen thưởng theo quy định của pháp luật”; đồng thời: “Người tố cáo và những người khác có liên quan có hành vi quy định tại Điều 8 của Luật này hoặc vi phạm các quy định khác của pháp luật về tố cáo và giải quyết tố cáo thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật”.

Những quy định trên đây của Luật Tố cáo là hết sức đúng đắn, cần thiết, phù hợp với Hiến pháp, pháp luật và thực tế Việt Nam.

Hoạt động tố cáo ở nước ta những năm qua cho thấy: Bên



Đồng bào có oan ức mới khiếu nại, tố cáo hoặc vì chưa hiểu rõ chính sách của Đảng và Chính phủ mà khiếu nại, tố cáo. Ta phải giải quyết nhanh, tốt thì đồng bào thấy rõ Đảng và Chính phủ quan tâm lo lắng đến quyền lợi của họ, do đó mối quan hệ giữa nhân dân với Đảng và Chính phủ càng được củng cố hơn.

Chủ tịch Hồ Chí Minh

cạnh việc chấp hành tốt thì còn có những vi phạm. Nổi lên là tình trạng tố cáo không chính xác, thiếu tính xây dựng, không đủ chứng cứ, cơ sở chứng minh nội dung tố cáo. Nguyên nhân là do nhận thức chưa đầy đủ, thiếu kiến thức, chưa thật sự vô tư, trong sáng, có động cơ sai trái, cố ý vi phạm pháp luật...

Thực tế trên không chỉ xảy ra với Luật Tố cáo mà còn ở một số luật khác, trong đó có Luật Kiểm toán nhà nước. Ví dụ, Luật Kiểm toán nhà nước có quy định tại Điều 8: “c. Nghiêm cấm các hành vi sau đây đối với đơn vị được kiểm toán và tổ chức, cá nhân có liên quan: Báo cáo sai lệch, không trung thực, không đầy đủ kịp thời hoặc thiếu khách quan thông tin liên quan đến cuộc kiểm toán của Kiểm toán nhà nước”.

Hay như tại Điều 11 của Luật Kiểm toán nhà nước quy định về Quyền hạn của Kiểm toán nhà nước, trong đó có quyền: “Yêu cầu đơn vị được kiểm toán và tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu phục vụ cho việc kiểm toán”.

Để bảo đảm sự chính xác, vô tư, khách quan trong hoạt động tố cáo, đòi hỏi phải thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các biện pháp dưới đây:

Thứ nhất, nắm vững, hiểu biết các quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo, nhất là nội dung, hình thức tố cáo. Để đạt được điều này, từng công dân phải tích cực tìm hiểu các quy định của pháp luật về khiếu nại tố cáo, trong đó phải tìm hiểu về Luật Tố cáo. Các cơ quan pháp luật, cơ quan báo chí, truyền thông cần chú ý tăng cường việc tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật về tố cáo, tạo thuận lợi để nhân dân hiểu và chấp hành được tốt các quy định, có kiến thức tốt về khiếu nại, tố cáo. Chỉ có trên cơ sở nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền giáo dục về hoạt động khiếu nại tố cáo, mới giúp cho công dân có đủ kiến thức để thực hiện đúng, đủ nghĩa vụ, trách nhiệm của mình trong quá trình thực hiện hoạt động tố cáo.

Thứ hai, nêu cao ý thức trách nhiệm, nghĩa vụ công dân

trong thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm tố cáo. Từng công dân phải thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của mình, kiên quyết không lạm dụng việc tố cáo để sai phạm hoặc vi phạm pháp luật về tố cáo. Thời gian qua đã có một số trường hợp vi phạm pháp luật tố cáo phải bị xử lý vì không hiểu rõ hoặc hiểu chưa đầy đủ, chính xác quy định pháp luật về tố cáo mà vô tình hoặc cố ý mắc sai phạm.

Thứ ba, xây dựng, rèn luyện ý thức trách nhiệm cao và tác phong cẩn thận, chu đáo của công dân khi thực hiện việc tố cáo. Mỗi công dân cần trau dồi kiến thức và tác phong, tính cách chuẩn mực, tính xây dựng cao khi thực hiện việc tố cáo. Sự cẩn trọng sẽ giúp cho họ không gặp phải những sai sót đáng tiếc xảy ra khi thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của mình trong tố cáo.

Thứ tư, các cơ quan, đơn vị hỗ trợ, giúp đỡ để công dân có điều kiện thuận lợi tiến hành hoạt động tố cáo của mình. Trong đó chú ý đến công tác hỗ trợ pháp lý cho người dân. Chỉ trên cơ sở có kiến thức pháp luật, nhất là quy định về tố cáo thì người tố cáo mới có thể thực hiện tốt quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm của mình, không mắc sai phạm khi thực hiện tố cáo. Vừa qua, hoạt động trợ giúp pháp lý của ngành tư pháp đã có tác dụng thiết thực cho công dân, nhất là ở khu vực vùng sâu, vùng xa, với các đối tượng còn thiếu kiến thức về pháp luật đã được trợ giúp tích cực.

Thứ năm, khen thưởng, xử phạt nghiêm minh trong hoạt động tố cáo. Đây là việc làm cần thiết nhằm duy trì sự công bằng, giữ gìn kỷ cương, phép nước trong lĩnh vực này. Vừa qua, trong công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, đã có những cá nhân, tập thể được khen thưởng cả về vật chất và tinh thần vì đã có những phản ánh, tố cáo đúng, đem lại tác dụng thiết thực cho công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Đặc biệt cần chú ý đến việc xử lý kiên quyết, kịp thời, công khai đối với những trường hợp lợi dụng tố cáo để vu khống, bôi nhọ, làm tổn hại đến danh dự, uy tín của người khác./

TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG TRONG VIỆC ĐƯA LAO ĐỘNG ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI

CHỈ THỊ SỐ 16-CT/TW NGÀY 08/5/2012 CỦA BAN BÍ THƯ KHÓA XI “VỀ TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI CÔNG TÁC ĐƯA NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CHUYÊN GIA VIỆT NAM ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI” (CHỈ THỊ 16) LÀ CHỦ TRƯỞNG ĐÚNG ĐẮN, ĐEM LẠI KẾT QUẢ TỐT. TUY NHIÊN, QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN CHỈ THỊ 16 VẪN CÒN NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN RÚT KINH NGHIỆM, ĐIỀU CHỈNH TRONG THỜI GIAN TỚI.

» LÊ HÒA

Giải quyết việc làm, cải thiện thu nhập cho người lao động

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng, nhu cầu tiếp nhận lao động của các nước rất lớn là cơ hội để Việt Nam đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả đưa người lao động và chuyên gia đi làm việc ở nước ngoài nhằm giải quyết việc làm, tạo thu nhập, phân công lại lao động, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Điểm lại chặng đường 10 năm thực hiện Chỉ thị 16, Phó Trưởng Ban Kinh tế Trung ương Đỗ Ngọc An cho biết, công tác phổ biến, quán triệt và triển khai thực hiện Chỉ thị 16 đã được các cấp ủy đảng, chính quyền triển khai nghiêm túc, kịp thời, giúp nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về chủ trương, lợi ích của công tác đưa người lao động và chuyên gia đi làm việc ở nước ngoài, quảng bá hình ảnh và những giá trị tốt đẹp của đất nước, con người Việt Nam.

Việc đưa lao động và chuyên gia đi làm việc ở nước ngoài không chỉ giúp xóa đói giảm nghèo bền vững mà còn có tích lũy đầu tư vào phát triển sản xuất, kinh doanh và tạo việc làm, đóng góp một nguồn ngoại tệ của đất nước. Trình độ chuyên môn, kỹ thuật, ngoại ngữ, kỹ luật, tác phong làm việc của người lao động, chuyên gia đi làm việc tại nước ngoài được nâng cao, bước đầu hình thành đội ngũ lao động có kỹ thuật, kỹ năng đóng góp vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa quê hương đất nước.



Việc đưa lao động và chuyên gia đi làm việc ở nước ngoài không chỉ giúp xóa đói giảm nghèo bền vững mà còn có tích lũy đầu tư vào phát triển sản xuất, kinh doanh và tạo việc làm, đóng góp một nguồn ngoại tệ của đất nước.

Đỗ Ngọc An

Phó Trưởng Ban Kinh tế Trung ương

“10 năm qua, mỗi năm, chúng ta đã giải quyết việc làm bình quân cho khoảng 1,5-1,6 triệu lao động trong và ngoài nước, trong đó, số lao động ngoài nước chiếm khoảng 10%. Bình quân mỗi năm lao động và chuyên gia gửi về ước tính khoảng 10 tỷ USD, tăng 5 lần so với trước khi có Chỉ thị. Nhiều tỉnh, thành phố đóng góp nguồn thu quan trọng cho ngân sách địa phương, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững” - ông Đỗ Ngọc An thông tin.

Đổi mới chính sách lao động, chú trọng cung - cầu

Lãnh đạo Ban Kinh tế Trung ương nhận định, Chỉ thị 16 của Ban Bí thư đã thực sự đem lại kết quả tốt. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác phổ biến, quán triệt và triển khai thực hiện Chỉ thị 16 tại nhiều cấp ủy còn mang tính hình thức. Công tác truyền thông về đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài có

lúc, có nơi còn mang tính hình thức, chưa rộng rãi, kịp thời đến người lao động có nhu cầu. Việc sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật còn chậm; chưa xây dựng được quy hoạch, chiến lược nên hiệu quả còn thấp.

Đặc biệt, công tác đánh giá chất lượng đào tạo nghề, dạy ngoại ngữ, giáo dục định hướng cho người lao động chưa chặt chẽ, chưa có sự gắn kết giữa hệ thống các cơ sở đào tạo nghề với tạo nguồn đi làm việc ở nước ngoài nên chất lượng lao động chưa cao và đồng đều, tỷ lệ lao động có tay nghề còn thấp, số lượng chuyên gia đi làm việc ở nước ngoài chưa nhiều.

Theo nhiều chuyên gia trong lĩnh vực tư vấn nghề nghiệp, mặc dù số lượng lao động đi làm việc ở nước ngoài liên tục tăng nhanh nhưng chất lượng còn thấp so với mặt bằng chung các nước trong khu vực. Hầu hết lao động đi làm việc ở nước ngoài là lao động phổ thông, trình độ ngoại ngữ thấp nên gặp nhiều khó khăn trong cuộc sống và công việc. Cụ thể, các ứng viên Việt Nam có điểm trung bình IELTS là 5,78 điểm, thuộc nhóm trung bình thấp, đứng sau Malaysia (6,64 điểm); Philippines (6,53 điểm) và xấp xỉ Indonesia (5,79 điểm).

Bên cạnh đó, ý thức, tác phong của người lao động còn y lại, chưa chủ động thực hiện đúng các nghĩa vụ của mình để đi làm việc ở nước ngoài, chưa thể tự giải quyết và chưa biết cách giải quyết những phát sinh trong công việc cũng như cuộc sống. Ý thức chấp hành các quy định pháp luật của người lao động, cụ thể là việc chấp hành kỷ luật lao động, nội quy nơi

làm việc, các cam kết trong hợp đồng lao động, hợp đồng đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài còn kém hơn so với các nước khác. Đây chính là một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng lao động hết hợp đồng không về nước hoặc tự ý bỏ ra ngoài sống bất hợp pháp.

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Đào Ngọc Dung nhấn mạnh: Trong điều kiện tình hình trong nước và thế giới có nhiều thay đổi, việc tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả các chủ trương, Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng về Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 là yêu cầu quan trọng. Trong đó, những vấn đề liên quan đến lao động ngoài nước cần quán triệt quan điểm: “Đổi mới phương pháp tiếp cận trong xây dựng và thực hiện pháp luật, chính sách lao động, việc làm bám sát với thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và xu hướng của thời đại; gắn trực tiếp các mục tiêu, chỉ tiêu về lao động, việc làm với mục tiêu phát triển kinh tế... Nâng cao chất lượng lao động đi làm việc ở nước ngoài”.

Bộ trưởng Đào Ngọc Dung đề nghị, các Bộ, ngành, địa phương cần tiếp tục nâng cao nhận thức về việc đưa người lao động đi làm việc tại nước ngoài, coi đây là xu hướng tất yếu; tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật trong nước. Đặc biệt, chú ý đàm phán với các quốc gia; nâng cao năng lực hiệu quả quản lý nhà nước; chú trọng cung - cầu lao động, hướng tới gắn kết giữa lao động trong nước, lao động ngoài nước; xây dựng thị trường lao động linh hoạt, hiện đại và bền vững.../.

Để bảo đảm an ninh môi trường ở Việt Nam

Tiếp theo trang 1

Tổng lượng chất thải nguy hại phát sinh trên toàn quốc hiện nay khoảng 800.000 tấn/năm, lượng chất thải nguy hại phát sinh trong sản xuất công nghiệp được thu gom, xử lý mới chỉ đạt con số 40%, chất thải nguy hại do y tế đạt 80%. Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt trung bình ở khu vực nội đô đạt khoảng 84-85%; khu vực nông thôn đạt khoảng 40-55%; vùng sâu, vùng xa chỉ đạt khoảng 10%... Nguồn chất thải từ trồng trọt và chăn nuôi đang có xu hướng gia tăng khiến cho tình trạng ô nhiễm môi trường ở khu vực nông thôn ngày càng trở nên đáng lo ngại...

Đặc biệt, Việt Nam là 1 trong 5 quốc gia ở khu vực châu Á phải chịu nhiều hậu quả nhất do biến đổi khí hậu, nước biển dâng, nhất là 2 đầu tàu kinh tế lớn cả nước là Đồng bằng sông Cửu Long và TP. Hồ Chí Minh. Đồng bằng sông Cửu Long hiện mỗi năm bị mất đi khoảng 500ha đất do xói lở. Đến cuối thế kỷ XXI, nếu nhiệt độ

tăng khoảng 3,4 độ C, mực nước biển tăng thêm 1m, thì hơn 20% diện tích của TP. Hồ Chí Minh, 30% diện tích đồng bằng cả nước có thể chìm xuống dưới nước.

Trong 4 thập kỷ qua, khoảng 200 loài chim bị tuyệt chủng và 120 loài thú ở Việt Nam bị diệt vong, trong khi hơn 100 loài sinh vật ngoại lai nhập khẩu cũng tạo mối nguy lớn cho môi trường sinh thái. Đảng sau việc đưa công nghệ lạc hậu, đưa sinh vật độc hại biến đổi gen vào Việt Nam không chỉ gây ô nhiễm môi trường, mất cân bằng sinh thái, mà còn thể hiện âm mưu chiến tranh sinh thái, đe dọa ANMT ở nước ta.

Bảo đảm ANMT là nội dung quan trọng của bảo đảm an ninh quốc gia và phát triển bền vững. Đến nay, Việt Nam đã ký kết tham gia 23 công ước quốc tế về môi trường, đang cùng 148 quốc gia khác thực hiện Thỏa thuận Paris về Biến đổi khí hậu. Những cam kết của Việt Nam tại COP26

đã được cộng đồng quốc tế đánh giá cao, thể hiện Việt Nam là một quốc gia thành viên có trách nhiệm với cộng đồng quốc tế, tham gia tích cực vào các hoạt động bảo vệ môi trường.

Để bảo đảm ANMT, cần sự triển khai thường xuyên và lâu dài các giải pháp mạnh mẽ, đồng bộ và nhất quán, nổi bật là: Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức xã hội, củng cố ý thức bảo vệ môi trường cho mọi công dân và doanh nghiệp. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật về môi trường; tích cực sử dụng hệ thống công cụ kinh tế và đẩy mạnh kiểm toán môi trường; xây dựng và áp dụng Bộ Tiêu chí và xác định Bộ Chỉ số ANMT phù hợp với điều kiện của Việt Nam; nâng cao năng lực các tổ chức chuyên môn về bảo vệ môi trường, dự báo, cảnh báo kịp thời, chính xác và chủ động ứng phó với các diễn biến thời tiết cực đoan, biến đổi khí hậu. Tăng

cường đánh giá tác động môi trường đối với các dự án phát triển kinh tế - xã hội; đẩy mạnh trồng rừng, tăng diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên, thanh tra, kiểm tra, giám sát, phòng ngừa và xử lý nghiêm tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường.

Đặc biệt, cần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế và ứng dụng khoa học kỹ thuật hiện đại theo yêu cầu phát triển, sản xuất và tiêu dùng bền vững, xanh, sạch hơn, thân thiện hơn với môi trường và thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Tăng cường xử lý rác thải, nước thải, khí thải gây ô nhiễm; kiểm soát chặt chẽ hoạt động khai thác, chế biến tài nguyên thiên nhiên, du nhập các sinh vật ngoại lai và bảo tồn đa dạng sinh học. Thúc đẩy hợp tác quốc tế, nhất là với chính phủ các nước, ngăn chặn các xung đột về môi trường giữa nước ta với các nước láng giềng có chung lợi ích trong bảo đảm ANMT.../.

Mặc dù ESG bao gồm nhiều vấn đề và chúng đều có khả năng ảnh hưởng đến tài chính của một tổ chức nhưng trong bối cảnh hiện nay, vấn đề được các kiểm toán viên quan tâm nhiều nhất là ảnh hưởng của môi trường.

KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

ĐẶT MÔI TRƯỜNG LÀM TRỌNG TÂM

MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI VÀ QUẢN TRỊ (ESG) ĐÃ TRỞ THÀNH VẤN ĐỀ QUAN TRỌNG, THU HÚT SỰ QUAN TÂM CỦA CÁC NHÀ ĐẦU TƯ, CƠ QUAN QUẢN LÝ, ĐỐI TÁC VÀ KHÁCH HÀNG. VÌ VẬY, CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (BCTC) KHÔNG THỂ BỎ QUA VIỆC TRUYỀN ĐẠT THÔNG TIN VỀ NHỮNG RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN ESG CÙNG NHƯ CÁC KẾ HOẠCH ĐỂ GIẢI QUYẾT CHÚNG. ĐIỀU NÀY CŨNG ĐỒNG NGHĨA VỚI VIỆC CÁC KIỂM TOÁN VIÊN (KTV) PHẢI ĐẶT ESG LÀM TRỌNG TÂM KHI KIỂM TOÁN BCTC.



Các kiểm toán viên phải đặt ESG làm trọng tâm khi kiểm toán báo cáo tài chính. Ảnh tư liệu

THUYẾT

Theo các báo cáo của Hội đồng Tiêu chuẩn kế toán tài chính (FASB), ESG có mối liên hệ mật thiết và ảnh hưởng lớn đến BCTC. Đối với mỗi tổ chức và các nhà đầu tư, từng thành phần của ESG sẽ được quan tâm ở mức độ khác nhau.

Tập trung vào yếu tố môi trường

Mặc dù ESG bao gồm nhiều vấn đề và chúng đều có khả năng ảnh hưởng đến tài chính của một tổ chức nhưng trong bối cảnh hiện nay, vấn đề được các KTV quan tâm nhiều nhất là ảnh hưởng của môi trường. Đây cũng là nội dung khó với KTV bởi các đánh giá không chỉ dừng lại ở mức kiểm tra hay soát xét các cam kết được thực hiện theo tiêu chuẩn hoặc quy định về ESG.

Theo FASB, ảnh hưởng của các vấn đề liên quan đến khí hậu trên BCTC và đánh giá bên ngoài có thể khác nhau tùy thuộc vào nhiều yếu tố. Đối với các doanh nghiệp bảo hiểm, quỹ tài trợ hoặc đầu tư vào nông nghiệp..., các vấn đề liên quan đến khí hậu tác động trực tiếp đến chuỗi cung ứng, chi phí đầu vào, khách hàng, tài chính, bảo hiểm, thậm chí là tuân thủ luật và quy định hiện hành.

Trong các trường hợp này, KTV sẽ phải bám sát và trao đổi với lãnh đạo doanh nghiệp để nắm bắt thông tin về các vấn đề liên quan đến khí hậu có thể ảnh hưởng đến BCTC của đơn vị, từ đó đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu và xem xét việc có cần phản ánh các nội dung này trong BCTC. Đồng thời, KTV cũng phải đánh giá phản ứng của ban lãnh đạo đối với các vấn đề liên quan đến môi trường trong quá trình kiểm toán BCTC để đưa ra các thông tin và kiến nghị phù hợp về

Theo FASB, mỗi quan tâm đối với mỗi thành phần của ESG thường bao gồm: Môi trường liên quan đến quản lý rủi ro và cơ hội về khí hậu, khan hiếm tài nguyên thiên nhiên, ô nhiễm, chất thải; xã hội (thông tin về các giá trị và mối quan hệ kinh doanh của tổ chức, chất lượng và an toàn sản phẩm, vốn con người, sự đa dạng và hòa nhập); quản trị (thông tin về hệ thống các quy tắc, thông lệ, quy trình được kiểm soát, điều hành của ban giám đốc, khả năng phục hồi, các chính sách và thực tiễn liên quan đến chống hối lộ, tham nhũng...).

trách nhiệm của họ trong việc chuẩn bị tài chính, ban hành chính sách, chỉ đạo thực hiện và công bố thông tin.

Ở chiều ngược lại, các thành viên trong ban quản trị cũng muốn thảo luận những nội dung trên với KTV để hiểu rõ hơn về các rủi ro liên quan đến môi trường và chia sẻ thông tin chi tiết hỗ trợ cho việc đánh giá của KTV. Một cuộc kiểm toán BCTC hiệu quả chắc chắn phải có những cuộc đối thoại hai chiều giữa những người chịu trách nhiệm quản trị và KTV để hai bên đều hiểu cách xác định các rủi ro, phạm vi của cuộc kiểm toán với từng vấn đề cụ thể.

Bên cạnh đó, môi trường pháp lý cũng là một nội dung KTV cần quan tâm, nhất là trong bối cảnh các quy định liên quan đến ESG và biến đổi khí hậu sẽ tiếp tục thay đổi, bổ sung. Các quy định nhằm vào việc giảm phát thải carbon thông qua đánh thuế hoặc sử dụng sản phẩm thay thế bền vững sẽ ảnh hưởng lớn đến đầu vào và đầu ra của doanh nghiệp, từ đó tác động đến cơ chế điều hành, đầu tư, huy động vốn và BCTC. Điều quan trọng là các nhà lãnh đạo và KTV phải hiểu

tình trạng hiện tại của doanh nghiệp để xem xét các rủi ro và cơ hội trong tương lai.

Nâng cao hiểu biết về đơn vị được kiểm toán

Các rủi ro liên quan đến môi trường có thể ảnh hưởng đến việc xác định tính trọng yếu của cuộc kiểm toán. Vì vậy, KTV phải hiểu biết về đơn vị và môi trường hoạt động của nó, bao gồm cả kiểm soát nội bộ của đơn vị. Đặc biệt, KTV phải hiểu cách quản lý, ứng phó với rủi ro về môi trường của doanh nghiệp để xác định và đánh giá ảnh hưởng của những rủi ro này có làm tăng rủi ro có sai sót trọng yếu trên BCTC hay không. Từ đó, KTV tư

vấn, khuyến nghị các hành động thích hợp để giải quyết và giảm thiểu rủi ro đã xác định.

Các thông tin KTV cần thu thập bao gồm: Đơn vị có xem xét hay không và xem xét như thế nào về rủi ro, cơ hội liên quan đến môi trường; mức độ hiểu biết và nhận thức của ban quản lý về ảnh hưởng của môi trường đến doanh nghiệp; đơn vị có xem xét các ảnh hưởng của điều kiện kinh tế vĩ mô (chẳng hạn như lạm phát) do vấn đề môi trường tác động đến doanh nghiệp (thiếu hụt nguyên liệu, giá sản phẩm tăng, người tiêu dùng chuyển sang sản phẩm khác...); việc quản lý quy trình từ sản xuất đến bán sản phẩm bị ảnh hưởng do các quy định về môi trường; tác động tài chính của các rủi ro đã được xác định và dự báo như thế nào khi lập BCTC; Ban quản lý đã làm gì để đảm bảo tuân thủ các quy định liên quan đến ESG và công khai thông tin trên BCTC...

Để có thể thu thập đầy đủ và chính xác nhất các thông tin trên, KTV cần chủ động trao đổi, phỏng vấn cá nhân hay các nhóm làm việc về tài chính, pháp lý hoặc phát triển sản phẩm của tổ chức. Ngoài ra, KTV cần đánh giá cả nguồn thông tin bên trong và bên ngoài (thông tin liên quan đến ESG được tiết lộ trong các báo cáo khác hoặc được quản lý truyền thông qua thông cáo báo chí và trang web). Các thông tin thu thập được sẽ là cơ sở cho việc xác định các rủi ro ảnh hưởng đến đơn vị và BCTC, từ đó thiết kế và thực hiện các thủ tục kiểm toán phù hợp với bản chất, thời gian, mức độ rủi ro có sai sót trọng yếu đã được đánh giá./

TIN VẤN

- ➔ Ngày 07/9, **Ban cán sự đảng Kiểm toán nhà nước (KTNN)** làm việc với Đoàn Kiểm tra số 4 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.
- ➔ **Đoàn Kiểm tra của Bộ Chính trị theo Quyết định số 539-QĐNS/TW (Đoàn Kiểm tra số 539)** vừa làm việc với KTNN khu vực X, Trường Đào tạo và Bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm toán, Vụ Chế độ và Kiểm soát chất lượng kiểm toán.
- ➔ Ngày 06/9, **Phó Tổng Kiểm toán nhà nước, phụ trách KTNN Ngô Văn Tuấn** đã tiếp Đoàn KTNN Lào do Chủ tịch Viêng-thà-vi-xôn Thếp-phạ-chăn dẫn đầu sang thăm và làm việc tại Việt Nam.
- ➔ Ngày 07/9, **Phó Tổng Kiểm toán nhà nước, phụ trách KTNN Ngô Văn Tuấn và Phó Tổng Kiểm toán nhà nước Vũ Văn Họa** đã tham dự phiên khai mạc Hội nghị đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách.
- ➔ Ngày 07/9, **Phó Tổng Kiểm toán nhà nước Hà Thị Mỹ Dung** đã chủ trì Hội nghị chia sẻ kinh nghiệm chuyên môn với Đoàn Chủ tịch KTNN Lào.
- ➔ Ngày 08/9, **Phó Tổng Kiểm toán nhà nước Đặng Thế Vinh** chủ trì cuộc họp rút kinh nghiệm trong việc kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước đối với KTNN.
- ➔ Ngày 08/9, **Phó Tổng Kiểm toán nhà nước Vũ Văn Họa** chủ trì Tọa đàm "Trao đổi kinh nghiệm kiểm toán việc thực hiện đặt hàng, đấu thầu dịch vụ công ích"/.

ĐÁNH GIÁ RỦI RO

CHÌA KHÓA ĐỂ THỰC HIỆN HIỆU QUẢ CUỘC KIỂM TOÁN

ĐÁNH GIÁ RỦI RO ĐƯỢC XEM LÀ BƯỚC CỰC KỲ QUAN TRỌNG TRONG MỘT CUỘC KIỂM TOÁN. ĐÂY LÀ CHÌA KHÓA ĐỂ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH VỚI CÁC THỦ TỤC KIỂM TOÁN PHÙ HỢP NHẤT NHẪM GIÚP CUỘC KIỂM TOÁN ĐẠT ĐƯỢC HIỆU QUẢ CAO. ĐỒNG THỜI, VIỆC ĐÁNH GIÁ RỦI RO CŨNG LÀ CƠ SỞ ĐỂ KIỂM TOÁN VIÊN (KTV) XEM XÉT THỜI GIAN VÀ SỐ LẦN XOAY VÒNG CUỘC KIỂM TOÁN TIẾP THEO.

THUYẾT

Đánh giá rủi ro giúp xác định đúng trọng tâm kiểm toán

Theo Chuẩn mực kiểm toán số 145 - Tìm hiểu đơn vị/môi trường của đơn vị và đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu (SAS 145) do Hội đồng Chuẩn mực kiểm toán (ASB), Viện Kế toán công chứng Hoa Kỳ (AICPA) ban hành, sự hiểu biết tổng thể về hệ thống kiểm soát nội bộ (KSNB) của đơn vị được thể hiện thông qua việc hiểu và đánh giá các khía cạnh nhất định của từng bộ phận sau: Môi trường kiểm soát, Quy trình đánh giá rủi ro của đơn vị, Quy trình giám sát hệ thống KSNB của đơn vị, Hệ thống thông tin và truyền thông, Hoạt động kiểm soát. Sự hiểu biết về các kiểm soát và hệ thống KSNB giúp KTV nhận ra các rủi ro gian lận tiềm ẩn và lỗ hổng trong KSNB có thể dẫn đến rủi ro có sai sót trọng yếu.

KTV cần lưu ý rằng, tất cả các cuộc phỏng vấn thông qua hội nghị truyền hình, kiểm tra và xác minh tài liệu từ xa đều có thể cung cấp đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp. Nhưng những phương pháp này cần được xem xét cẩn thận vì có rủi ro tiềm ẩn. Hoặc trong trường hợp KTV kiểm đếm hàng tồn kho qua camera thì cần có thêm một cá nhân khác (có thể là lãnh đạo) giám sát chặt chẽ để đảm bảo ghi nhận số lượng chính xác.

Bên cạnh đó, các công cụ trực quan hóa đóng vai trò quan trọng trong việc cải thiện đánh giá rủi ro thông qua việc chuyển đổi một loạt các con số thành một bức tranh sống động, thể hiện rõ những rủi ro cần phân tích sâu và các thủ tục kiểm toán phù hợp. Việc có thể thu thập tất cả dữ liệu cơ bản và phân tích thông qua các quy trình khác nhau là tiền đề quan trọng để KTV có được



Việc tuân thủ các tiêu chuẩn đánh giá rủi ro giúp KTV xác định trọng tâm của các thủ tục một cách chính xác khi lập kế hoạch kiểm toán. Ảnh tư liệu

Việc đánh giá rủi ro và thiết kế, thực hiện các thủ tục kiểm toán có mối liên kết khăng khít bởi KTV có thể phải sửa đổi các thủ tục kiểm toán để xem xét các rủi ro bổ sung, đặc biệt là trong môi trường kiểm toán từ xa.

Các chuyên gia của AICPA

nhieu thông tin chi tiết về những khu vực cần chú ý trong cuộc kiểm toán và nơi tiềm ẩn nhiều sai sót.

Ngoài ra, KTV cũng được khuyến nghị phải hiểu rõ khuôn khổ về lập và trình bày báo cáo tài chính, nhất là nội dung liên

quan đến khách hàng và KSNB của khách hàng đó. Việc hiểu rõ hơn về một khách hàng cụ thể và cách thức hoạt động của các hợp đồng sẽ giúp KTV đánh giá về việc liệu doanh thu có được ghi nhận đúng theo các quy tắc kế toán hay không. Từ đó, KTV được cung cấp thêm thông tin về các rủi ro liên quan đến khách hàng và cách họ cung cấp dịch vụ hoặc sản phẩm.

Thực tế cho thấy, việc tuân thủ các tiêu chuẩn đánh giá rủi ro giúp KTV xác định trọng tâm của các thủ tục một cách chính xác khi lập kế hoạch kiểm toán. Quan trọng hơn cả, dựa trên rủi ro, KTV sẽ tiết kiệm thời gian và phân công nguồn lực hợp lý cho từng lĩnh vực kiểm toán. Không chỉ vậy, phương pháp kiểm toán dựa trên đánh giá rủi ro cũng tạo điều kiện cho việc giám sát và xem xét hiệu quả của từng cuộc kiểm toán.

Lưu ý những lĩnh vực rủi ro cao

Theo các chuyên gia của AICPA, việc xác định các rủi ro trọng yếu trong một cuộc kiểm toán đòi hỏi KTV phải có sự đánh giá tổng thể toàn đơn vị, tuy nhiên, sẽ có một số lĩnh vực nhất định cần được xem xét kỹ lưỡng hơn trong quá trình đánh giá. Cụ thể, với định giá tài sản, KTV phải phát huy tối đa khả năng phán đoán và hiểu rõ phương pháp này. Các xét đoán KTV cần lưu ý là: Công cụ tài chính khó định giá, tài sản tồn tại lâu với các chỉ số suy giảm giá trị, các khoản phải thu của bên liên quan và hàng tồn kho lỗi thời.

Giao dịch tự động cũng là một điểm cần KTV theo dõi chặt chẽ bởi khi các giao dịch không còn dấu vết trên giấy, KTV sẽ phải tập trung vào môi trường tự động hóa. Đối với các giao dịch tồn tại dưới dạng điện tử, KTV buộc phải am hiểu sâu hơn và áp dụng các biện pháp kiểm soát xử lý thông tin.

Trong bối cảnh nền kinh tế còn nhiều bất ổn, KTV cần đặc biệt xem xét và đánh giá khả năng hoạt động liên tục của ban lãnh đạo. Nếu phát sinh nghi ngờ về tính hiệu quả và sự tuân thủ pháp luật trong các chỉ đạo, điều hành hoặc hành vi có thể dẫn đến sai phạm của cá nhân trong ban lãnh đạo, KTV cần đánh giá sâu hơn và xác định xem liệu có nên đưa các thông tin này vào báo cáo kiểm toán hay không.

Bên cạnh đó, KTV cũng không thể bỏ qua việc kiểm tra hiệu quả hoạt động của các biện pháp kiểm soát để giảm thiểu rủi ro hoặc tiến hành các thử nghiệm mới nhằm đánh giá khả năng ứng phó với các loại rủi ro, nhất là rủi ro đã hiện hữu nhưng khó thay đổi. Ngoài ra, hành động này còn giúp KTV hiểu sâu hơn về các quy trình và kiểm soát được tất cả các thành phần của KSNB, từ đó thiết lập một cách tiếp cận kiểm toán hiệu quả./.

Triển khai kiểm toán

Kiểm toán nhà nước (KTNN) vừa triển khai kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư các dự án: Phát triển giao thông vận tải khu vực Đồng bằng Bắc Bộ; luồng sông Hậu Giai đoạn 2; nâng cấp Quốc lộ 30 đoạn Cao Lãnh - Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; xây dựng tuyến ĐT.857 đoạn Quốc lộ 30-ĐT.845; phát triển TP. Cần Thơ, Kè bờ sông Cần Thơ nhằm tăng cường khả năng thích ứng của đô thị và ứng phó với biến đổi khí hậu; phát triển đô thị và tăng cường khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư các Dự án: Đường liên tuyến kết nối vùng N8-

ĐT.787B-ĐT.789; đường 991B từ Quốc lộ 51 đến hạ lưu cảng Cái Mép; đường ven biển từ Nghi Sơn (Thanh Hóa) - Cửa Lò (Nghệ An) - đoạn từ Km7 - Km76; đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3, tỉnh Quảng Bình; tuyến nối Quốc lộ 91 và tuyến tránh TP. Long Xuyên; thành phần 1A thuộc Dự án đường Tân Vạn - Nhơn Trạch); kết nối giao thông các tỉnh miền núi phía Bắc.

Cùng với đó, KTNN cũng triển khai kiểm toán ngân sách địa phương (NSDP) và báo cáo quyết toán NSDP năm 2021 của các tỉnh, thành phố: Quảng Bình, Gia Lai, Đắk Nông, Cần Thơ. Kiểm toán chuyên đề Hoạt động quản lý môi trường đối với các cơ sở sản

xuất trên địa bàn TP. Cần Thơ giai đoạn 2020-2021. Các cuộc kiểm toán trên do KTNN chuyên ngành IV và KTNN các khu vực: V, XII thực hiện trong thời gian từ 50 đến 60 ngày.

Trong đó, đối với các cuộc kiểm toán dự án đầu tư xây dựng, mục tiêu kiểm toán là xác nhận tính đúng đắn, trung thực, chính xác của báo cáo tài chính của dự án (nguồn vốn đầu tư, thực hiện đầu tư xây dựng); đánh giá việc tuân thủ pháp luật, chế độ quản lý đầu tư xây dựng, tài chính, kế toán của Nhà nước và các quy định của Hiệp định vay vốn. Đánh giá tính kinh tế, hiệu lực, hiệu quả trong quản lý và sử dụng vốn đầu tư; phát hiện những bất cập trong cơ chế, chính

sách để kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung; phát hiện kịp thời các hành vi tham nhũng, lãng phí, sai phạm trong quá trình thực hiện dự án để kiến nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Với các cuộc kiểm toán NSDP và báo cáo quyết toán NSDP năm 2021, nội dung là kiểm toán việc quản lý, sử dụng các khoản thu, chi ngân sách, tiền và tài sản nhà nước; việc chấp hành pháp luật, chính sách, chế độ quản lý tài chính, kế toán và chế độ đầu tư xây dựng của Nhà nước; kiểm toán công tác dự toán, điều hành ngân sách, tổng hợp, lập báo cáo quyết toán NSDP./.

Vụ Tổng hợp (KTNN)

KIỂM SOÁT TỪ SỚM, TỪ XA ĐỂ PHÒNG NGỪA, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG KIỂM TOÁN

NHẤN MẠNH CHẤT LƯỢNG KIỂM TOÁN, KỶ LUẬT CÔNG VỤ, ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP LÀ MỤC TIÊU HÀNG ĐẦU, NHẤT LÀ TRONG BỐI CẢNH NHIỆM VỤ CỦA KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC (KTNN) NGÀY CÀNG NẶNG NỀ, YÊU CẦU ĐỐI VỚI KTNN NGÀY CÀNG CAO, PHÓ TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC, PHỤ TRÁCH KTNN NGÔ VĂN TUẤN YÊU CẦU CÁC ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN PHẢI TUÂN THỦ ĐÚNG CÁC QUY TRÌNH, CHUẨN MỰC KHI THỰC HIỆN KIỂM TOÁN; ĐỒNG THỜI THỰC HIỆN CÁC GIẢI PHÁP NHẪM KỊP THỜI NGĂN NGỪA RỦI RO, GÂY ẢNH HƯỞNG ĐẾN UY TÍN CỦA NGÀNH.

NGUYỄN LỘC

Bám sát thực hiện nhiệm vụ kiểm toán

Tính đến thời điểm hiện tại, công tác kiểm toán của KTNN vẫn đang diễn ra theo đúng tiến độ, kế hoạch đề ra. Bên cạnh việc tham gia vào nhiều nhiệm vụ quan trọng khác, như cho ý kiến đối với Dự thảo Kế hoạch kiểm toán năm 2023 và Kế hoạch trung hạn 2023-2025; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động kiểm toán..., các đơn vị kiểm toán đang tập trung thực hiện nhiệm vụ kiểm toán được giao, như thực hiện kiểm toán đợt 3; đôn đốc các đơn vị thực hiện kiến nghị kiểm toán...

Thông tin tại Hội nghị giao ban tháng 8 của KTNN, Vụ trưởng Vụ Tổng hợp Vũ Ngọc Tuấn cho biết, đến hết tháng 8, KTNN đã xét duyệt 187 kế hoạch kiểm toán; triển khai 167 đoàn kiểm toán; kết thúc 137 đoàn kiểm toán, xét duyệt 197 báo cáo kiểm toán, phát hành 157 báo cáo kiểm toán. Các cuộc kiểm toán kết thúc đã đảm bảo tiến độ, chất lượng cũng như cơ bản tuân thủ mẫu biểu hồ sơ kiểm toán. “Trong bối cảnh cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực diễn ra mạnh mẽ, các đơn vị đã tuân thủ thực hiện nghiêm chỉ đạo của lãnh đạo Ngành, cũng như các quy định trong hoạt động kiểm toán để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao” - ông Tuấn cho biết.

Theo Kiểm toán trưởng KTNN chuyên ngành IV Hoàng Phú Thọ, đến thời điểm hiện tại, đơn vị đang tập trung thực hiện cuộc kiểm toán còn lại được giao trong năm. Bên cạnh đó, đơn vị cũng chú trọng theo dõi, đôn đốc các đơn vị thực hiện kiến nghị kiểm toán. Với tiến độ như hiện nay, đơn vị có thể sớm hoàn thành kế hoạch kiểm toán trước thời hạn; đồng thời phân bổ nguồn lực hợp lý cho các nhiệm vụ kiểm toán khác.

Còn theo Kiểm toán trưởng KTNN khu vực VI Vũ Khánh Toàn, thực hiện chỉ đạo của



Quang cảnh Hội nghị giao ban tháng 8 của KTNN. Ảnh: N. LỘC

Tổng Kiểm toán nhà nước, đơn vị cũng đang tập trung cao độ cho nhiệm vụ kiểm toán. “Với sự quan tâm chỉ đạo sát sao của lãnh đạo KTNN, các đơn vị có thêm nguồn động lực để tiếp tục thực hiện tốt nhiệm vụ đề ra, trong bối cảnh tình hình còn nhiều khó khăn, thách thức” - ông Toàn cho biết.

Lưu ý thời gian từ nay đến cuối năm không còn dài, trong khi còn nhiều nhiệm vụ phải hoàn thành, lãnh đạo các đơn vị kiểm toán được yêu cầu khẩn trương hoàn thiện hồ sơ trình lãnh đạo KTNN phát hành Báo cáo kiểm toán của các đoàn kiểm toán đợt 2; tích cực đôn đốc các đơn vị được kiểm toán thực hiện nghiêm kết luận, kiến nghị của KTNN. Ngoài những nhiệm vụ theo kế hoạch đã được duyệt, lãnh đạo KTNN cũng lưu ý đối với nhiệm vụ cụ thể của một số đơn vị. Trong đó, Vụ Tổng hợp, KTNN các chuyên ngành IV, V và các đơn vị có liên quan tham mưu, xây dựng kế hoạch triển khai nhiệm vụ “Kiểm toán các gói thầu xây lắp trước khi thực hiện chỉ định thầu” được Thủ tướng Chính phủ



Chưa bao giờ chất lượng kiểm toán và kỷ luật công vụ, đạo đức nghề nghiệp kiểm toán viên được đặt ra cao như hiện nay. Các đơn vị kiểm toán, từng kiểm toán viên phải ý thức rõ điều này để thực hiện cho đúng; các hoạt động kiểm toán phải được kiểm soát chặt chẽ ngay từ các khâu đầu tiên.

Phó Tổng Kiểm toán nhà nước phụ trách
Ngô Văn Tuấn

giao. KTNN chuyên ngành VI xây dựng báo cáo tổng kết đánh giá kết quả thực hiện cuộc kiểm toán từ xa đối với Tập đoàn Bưu chính viễn thông (pháp lý, công nghệ, việc tác nghiệp thực hiện kiểm toán, yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ...), qua đó định hướng, tham mưu, đề xuất các nội dung cần triển khai tiếp theo.

Chủ động phòng ngừa, nâng cao chất lượng kiểm toán

Thực hiện chỉ đạo của lãnh đạo KTNN, các đơn vị đang

tăng cường công tác kiểm soát chất lượng kiểm toán, từ đó kịp thời phát hiện, ngăn chặn và chấn chỉnh những hành vi tiêu cực có thể xảy ra trong hoạt động kiểm toán, bên cạnh các giải pháp trực tiếp nhằm đổi mới, nâng cao chất lượng kiểm toán.

Theo Vụ trưởng Vụ Chế độ và Kiểm soát chất lượng kiểm toán Lê Đức Luận, KTNN đang thực hiện nhiều hình thức kiểm soát, trong đó đặc biệt chú trọng kiểm soát trực tiếp, kiểm soát đột xuất để nâng cao khả năng phát hiện, phòng ngừa sai phạm. Đến nay, Vụ đã phát hành 3 báo cáo kiểm soát chất lượng kiểm toán trực tiếp; tiếp tục kiểm soát trực tiếp 5 cuộc kiểm toán và 2 cuộc kiểm soát chất lượng kiểm toán đối với kiểm toán trưởng... “Thông qua kiểm soát đã góp phần làm chuyển biến nhận thức, ý thức trách nhiệm của kiểm toán viên trong việc thực hiện kiểm toán” - ông Luận cho biết, đồng thời đánh giá công tác kiểm soát đã trở thành thói quen tốt, khi nhiều đơn vị kiểm toán chủ động đề nghị kiểm soát từ sớm.

Kiểm toán trưởng KTNN

khu vực II Phan Văn Thường cho biết, bên cạnh việc chú trọng công tác kiểm tra, kiểm soát, đơn vị đã tập trung đổi mới, chú trọng nâng cao chất lượng các cuộc kiểm toán ngay từ các khâu đầu tiên; gắn trách nhiệm đến từng đoàn, tổ kiểm toán, kiểm toán viên về kết quả kiểm toán... để từ đó nâng cao trách nhiệm trong hoạt động kiểm toán. “Việc đánh giá, chấm điểm kiểm toán viên được đơn vị thực hiện dựa trên quy định của KTNN và đảm bảo tính kịp thời, thường xuyên, thông suốt giữa các cấp, từ đơn vị đến đoàn, tổ kiểm toán” - ông Thường nêu.

Để cao trách nhiệm của đơn vị, đoàn kiểm toán và từng kiểm toán viên đối với công tác kiểm toán, Phó Tổng Kiểm toán nhà nước phụ trách Ngô Văn Tuấn yêu cầu các đơn vị kiểm toán và đơn vị có liên quan tập trung tối đa nguồn lực để đảm bảo tiến độ, gắn với chất lượng của từng cuộc kiểm toán. “Các đoàn kiểm toán chú trọng nâng cao hơn nữa chất lượng lập báo cáo kiểm toán, đảm bảo các kết luận, kiến nghị kiểm toán đúng pháp luật, đầy đủ bằng chứng” - Phó Tổng Kiểm toán nhà nước phụ trách lưu ý.

Nhấn mạnh những yêu cầu, nhiệm vụ của KTNN ngày càng nặng nề, đặc biệt trong công tác kiểm toán, Phó Tổng Kiểm toán nhà nước phụ trách yêu cầu các đơn vị kiểm toán tiếp tục thực hiện đồng bộ, quyết liệt các giải pháp để đạt được mục tiêu nâng cao chất lượng kiểm toán, giữ nghiêm kỷ luật công vụ. Trong đó, cần tăng cường công tác nắm bắt tư tưởng, siết chặt kỷ luật công vụ gắn với đạo đức nghề nghiệp Kiểm toán viên nhà nước. Cùng với đó, chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao kỹ năng nghiệp vụ và kiến thức cho kiểm toán viên về các lĩnh vực kiểm toán, đặc biệt là các lĩnh vực kiểm toán trọng tâm, nội dung kiểm toán theo yêu cầu của Quốc hội, Chính phủ./



KTNN đã chỉ ra những bất cập, hạn chế trong việc quản lý, sử dụng kinh phí hoạt động kinh tế đường sắt năm 2020 của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam. Ảnh tư liệu

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ ĐƯỜNG SẮT NĂM 2020 BẤT CẬP TRONG VIỆC LẬP VÀ GIAO DỰ TOÁN

KIỂM TOÁN CHUYÊN ĐỀ VIỆC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ ĐƯỜNG SẮT NĂM 2020 CỦA TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM (TCTĐS), KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC (KTNN) ĐÁNH GIÁ, TCTĐS CƠ BẢN QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG KINH PHÍ TUÂN THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VÀ CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN HIỆN HÀNH; CÔNG TÁC QUẢN LÝ BẢO TRÌ, KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG SẮT QUỐC GIA SỬ DỤNG ĐÚNG MỤC ĐÍCH... TUY NHIÊN, CÔNG TÁC LẬP VÀ GIAO DỰ TOÁN KINH PHÍ QUẢN LÝ, BẢO TRÌ ĐƯỜNG SẮT CÒN MỘT SỐ BẤT CẬP, HẠN CHẾ CẢN CHẤM CHÌNH, RÚT KINH NGHIỆM.

Đ. KHOA

Thiếu thuyết minh, cơ sở trong lập dự toán

Năm 2020, trên cơ sở công tác xây dựng kế hoạch bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt (KCHTĐS), TCTĐS lập kế hoạch, dự toán bảo trì KCHTĐS quốc gia cho phương án cần thiết tối thiểu là 4.373,4 tỷ đồng, bằng 136% ước thực hiện và dự toán giao năm 2019, trong đó, dự toán bảo dưỡng thường xuyên KCHTĐS là 3.157,9 tỷ đồng. Do nguồn ngân sách hạn hẹp nên TCTĐS được phân bổ dự toán hoạt động kinh tế đường sắt số tiền hơn 2.920,2 tỷ đồng, bằng 79% so với phương án cần thiết tối thiểu và 40% phương án tính đủ định mức; trong đó, bảo dưỡng thường xuyên KCHTĐS là 2.654,1 tỷ đồng.

Kết quả kiểm toán cho thấy, dự toán chi phí chung công tác bảo dưỡng thường xuyên chỉ đạt 50% chi phí nhân công trực tiếp song chưa thuyết minh rõ cơ sở lựa chọn (đối với trường hợp bảo dưỡng công trình chi phí tối đa bằng 66% chi phí nhân công trực tiếp sản xuất).

KTNN cũng chỉ ra, dự toán kinh phí bảo trì KCHTĐS tính bình quân cho các loại sản phẩm, chưa xét đến nội dung trạng thái kỹ thuật công trình đường sắt. Dự toán công tác



KTNN kiến nghị TCTĐS lập dự toán, kế hoạch bảo trì KCHTĐS quốc gia tuân thủ đầy đủ các quy định theo hướng dẫn hiện hành, tài sản KCHTĐS được bảo trì đảm bảo đúng đối tượng, xác định chi phí quản lý thuyết minh đủ căn cứ và phù hợp với tính chất công việc.

bảo dưỡng thường xuyên đối với phần khối lượng nhà cung cầu, cung đường, cung thông tin tín hiệu thuộc tài sản của doanh nghiệp đầu tư, không thuộc đối tượng ngân sách nhà nước cấp kinh phí bảo trì theo quy định tại Nghị định số 46/2018/NĐ-CP số tiền gần 8,5 tỷ đồng. Trong dự toán công trình sửa chữa định kỳ, TCTĐS chưa xếp loại mức độ ưu tiên theo quy định của Bộ Giao thông vận tải (GTVT); có 23 công trình chuẩn bị đầu tư xây dựng năm 2020 với kinh phí 53 tỷ đồng chưa cập nhật trạng thái kỹ thuật hiện tại.

Bên cạnh đó, do chưa có định mức tính chi phí quản lý nên khi lập dự toán chi phí trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt, TCTĐS chưa thuyết minh rõ. Một số chi phí như lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, chi phí thẩm tra

phương án tác nghiệp kỹ thuật bảo dưỡng thường xuyên chưa phù hợp quy định.

Trong lập dự toán nâng cấp, cải tạo đường ngang theo Quyết định số 994/QĐ-TTg ngày 19/6/2014 (Quyết định số 994), kết quả kiểm toán cũng chỉ ra, 82 đường ngang với 205 tỷ đồng theo tỷ suất đầu tư 2,5 tỷ đồng/1 đường ngang nhưng thiếu thuyết minh cơ sở phương pháp tính; Bộ GTVT đã điều chỉnh bổ sung giảm hơn 108,4 tỷ đồng so với dự toán lập. Ngoài ra, 200 đường ngang có gác để sửa chữa, bổ sung thông tin, tín hiệu số tiền 523 tỷ đồng chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt bổ sung, chưa xét đến khả năng cân đối nguồn kinh phí, do vậy, năm 2020, Bộ GTVT không giao dự toán cho nhiệm vụ này.

Giao dự toán chưa kịp thời

Cùng với những bất cập trong công tác lập dự toán, đánh giá về công tác giao dự toán của Bộ GTVT, KTNN chỉ rõ, Bộ GTVT điều chỉnh dự toán từ Cục Đường sắt Việt Nam sang TCTĐS tại Quyết định số 705/QĐ-BGTVT ngày 17/4/2020 số tiền hơn 2.801,3 tỷ đồng để thực hiện nhiệm vụ đặt hàng về công tác bảo trì KCHTĐS quốc gia. Trên cơ sở đó, TCTĐS ký hợp

đồng đặt hàng với các công ty đường sắt, công ty cổ phần tín hiệu là chưa phù hợp với thời gian bảo dưỡng thường xuyên được thực hiện ngay từ đầu năm, nhằm duy trì đảm bảo an toàn giao thông.

Việc giao dự toán kinh phí để nâng cấp, cải tạo công trình đường ngang theo Quyết định số 994 cũng chưa kịp thời dẫn đến công tác tổ chức thực hiện chậm, không kịp tiến độ, kinh phí gần như chưa sử dụng; số dư dự toán cuối năm là gần 97,8 tỷ đồng. Trong năm, Bộ GTVT không thực hiện phân bổ dự toán gần 111,3 tỷ đồng của các công trình đường ngang theo Quyết định số 994, do trước khi Bộ Tài chính phân bổ dự toán, các công trình chưa lập xong báo cáo kinh tế kỹ thuật được cấp có thẩm quyền phê duyệt nên thiếu căn cứ cơ sở khi phân bổ dự toán nhiệm vụ này.

Kết quả kiểm toán cũng cho thấy, việc bố trí dự toán kinh phí dự phòng khắc phục bảo lũ gần 20,7 tỷ đồng, chiếm 0,7% trên tổng kinh phí được giao là chưa tuân thủ theo tỷ lệ quy định (từ 1-2% trên tổng số kinh phí được giao để dự phòng khắc phục bảo lũ). Ngoài ra, Bộ GTVT giao điều chỉnh dự toán từ nhiệm vụ dự phòng khắc phục bảo lũ cho công tác bảo dưỡng

thường xuyên, sửa chữa định kỳ và đột xuất hơn 19 tỷ đồng là chưa phù hợp với thời gian quy định.

Đáng chú ý, Bộ GTVT giao dự toán 25 công trình chuẩn bị đầu tư nhưng trong năm không thực hiện hoặc thực hiện chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt, dẫn đến cuối năm không giải ngân và số dư kinh phí bị hủy gần 1,5 tỷ đồng. Nguyên nhân chủ yếu do một số công trình thẩm định phê duyệt báo cáo kỹ thuật nhưng chưa đáp ứng đầy đủ so với yêu cầu, dẫn đến phải chỉnh sửa, bổ sung nhiều lần nên đến cuối năm chưa kịp thời phê duyệt để giải ngân.

Căn cứ kết quả kiểm toán, KTNN kiến nghị Bộ GTVT chấn chỉnh, rút kinh nghiệm trong việc giao dự toán kinh phí theo Quyết định số 994 không đảm bảo tiến độ thực hiện, phải hủy dự toán. Đồng thời chấn chỉnh, rút kinh nghiệm trong việc bố trí dự toán kinh phí dự phòng khắc phục bảo lũ chưa tuân thủ theo tỷ lệ quy định; điều chỉnh dự toán từ nhiệm vụ dự phòng khắc phục bảo lũ cho công tác bảo dưỡng thường xuyên, sửa chữa định kỳ, đột xuất, dẫn đến trong năm phát sinh công trình khắc phục hậu quả bảo lũ nhưng chưa có nguồn để thanh toán theo quy định./.

TĂNG TRƯỞNG TÍN DỤNG

HỖ TRỢ CÁC MỤC TIÊU LỚN NHƯNG VẪN KIỂM SOÁT RỦI RO

NỀN KINH TẾ VẪN ĐANG RẤT CẦN NGUỒN VỐN ĐỂ PHỤC HỒI TĂNG TRƯỞNG NHƯNG LẠI PHẢI ĐỐI MẶT VỚI NGUY CƠ LẠM PHÁT. TRONG BỐI CẢNH ĐÓ, NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM (NHNN) SẼ TIẾP TỤC ĐIỀU HÀNH TÍN DỤNG MỘT CÁCH LINH HOẠT, HƯỚNG DÒNG VỐN VÀO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH, ĐẢM BẢO HỖ TRỢ CÁC MỤC TIÊU LỚN NHƯNG VẪN CẦN KIỂM SOÁT RỦI RO.

THÀNH ĐỨC

Tín dụng tăng chậm lại do cạn room

Theo báo cáo của NHNN, đến ngày 26/8/2022, tín dụng tăng 9,91% so với cuối năm 2021. “Đây là mức tăng cao so với cùng kỳ nhiều năm trở lại đây, phù hợp với tăng trưởng kinh tế, hỗ trợ doanh nghiệp và nền kinh tế phục hồi khả quan trong những tháng qua” - Báo cáo của NHNN nhấn mạnh. Tuy vậy, theo dõi diễn biến tín dụng từ đầu năm đến nay, đặc biệt là thời gian gần đây, nhiều chuyên gia nhận định: Tín dụng có xu hướng tăng trưởng chậm lại trong quý III/2022. Tính đến cuối tháng 6/2022, tăng trưởng tín dụng cả nước đạt 9,4% so với đầu năm, cao hơn mức tăng 6,4% của cùng kỳ năm trước. Như vậy, trong hơn một tháng rưỡi, tín dụng tăng thêm không đáng kể so với mức tăng bình quân 1,6%/tháng nửa đầu năm.

Theo giới phân tích, nguyên nhân tín dụng tăng trưởng chậm lại là do nhiều ngân hàng đã cạn room tín dụng được NHNN cấp hồi đầu năm nên buộc phải “co kéo” trong hạn mức ít ỏi để hỗ trợ khách hàng. Ở nhóm ngân hàng thương mại nhà nước, tính đến hết tháng 6, tăng trưởng tín dụng của Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) Ngoại thương Việt Nam đã lên tới 14,4%.

Trong khi đó, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cũng đã dùng hết 6% trong tổng số 7% room tín dụng được phân bổ. Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam cũng sử dụng hết 90% hạn mức ngay từ cuối tháng 5. Trong 3 tháng qua, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam cũng luôn phải tính toán việc giải ngân cho vay để không vượt room tín dụng đã được NHNN cấp là 10% và đến thời điểm này, room tín dụng gần như đã cạn nên khi thu hồi được nợ, Ngân hàng mới tính đến việc giải ngân cho các khoản vay tiếp theo.



Room tín dụng hạn chế là một trong những nguyên nhân khiến tiến độ triển khai chương trình hỗ trợ lãi suất 2% còn chậm. Ảnh sưu tầm

Căn cứ kết quả xếp hạng mới nhất theo Thông tư số 52/2018/TT-NHNN, tình hình hoạt động của các tổ chức tín dụng trong năm 2022, diễn biến thị trường và định hướng từ đầu năm tại Chỉ thị số 01/CT-NHNN, NHNN đã điều chỉnh chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng năm 2022 đối với các tổ chức tín dụng có đề nghị và gửi thông báo tới các tổ chức tín dụng này.

Ở nhóm tư nhân, tình trạng này còn căng thẳng hơn khi nhiều ngân hàng thậm chí còn gần như hết room trong quý II. Đơn cử, đến hết tháng 6/2022, Ngân hàng TMCP An Bình đã sử dụng 99% hạn mức tín dụng được NHNN thông báo từ đầu năm và đã gửi công văn xin nói room lên cơ quan quản lý. Tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh, tăng trưởng tín dụng nhanh hơn gấp đôi cùng kỳ và đã tiệm cận hạn mức được cấp. Một số ngân hàng khác cũng trong tình trạng tương tự. Room tín dụng hạn chế cũng là một trong những nguyên nhân chính khiến tiến độ

triển khai chương trình hỗ trợ lãi suất 2% trên cả nước nói chung còn chậm, chưa đạt kế hoạch đề ra.

Bám sát các mục tiêu vĩ mô quan trọng để điều hành

Công ty Chứng khoán Rồng Việt (VDSC) nhận định, năm 2022 là năm phục hồi sau đại dịch, do đó, nhu cầu vốn đã tăng tốc mạnh trong giai đoạn đầu năm. Dựa vào bức tranh tín dụng chung và triển vọng phục hồi của nền kinh tế, Nhóm phân tích của VDSC đánh giá nhu cầu tín dụng trong nền kinh tế vẫn sẽ ở mức cao, việc siết room tín dụng trong phần lớn thời gian của quý III sẽ phần nào ảnh hưởng đến kế hoạch kinh doanh của các doanh nghiệp cũng như tiến độ thực hiện gói hỗ trợ lãi suất 2% trong chương trình phục hồi, phát triển kinh tế.

PGS,TS. Trần Hoàng Ngân - Viện trưởng Viện Nghiên cứu phát triển TP. Hồ Chí Minh - nhận định: Trong bối cảnh kinh tế tăng trưởng nhanh, giá

nguyên vật liệu trên thế giới tăng cao dẫn đến chi phí kinh doanh tăng theo, nhu cầu vay vốn của doanh nghiệp tăng mạnh là tất yếu. “Để đáp ứng nhu cầu vốn cho nền kinh tế, đồng thời đẩy mạnh giải ngân gói hỗ trợ lãi suất 2%, NHNN cần thận trọng, linh hoạt và khéo léo điều hành tín dụng theo tín hiệu của thị trường. Vấn đề quan trọng trong điều hành tín dụng là bảo đảm được mục tiêu kiểm soát lạm phát, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo thêm việc làm cho người lao động” - PGS,TS. Trần Hoàng Ngân nhấn mạnh.

Theo Ngân hàng Thế giới (WB), tỷ lệ tín dụng/GDP của Việt Nam thuộc hàng cao nhất thế giới (đến cuối năm 2021, tỷ lệ này đã đạt 124%) là mức cảnh báo về rủi ro bất ổn vĩ mô tiềm ẩn. Vì vậy, tăng trưởng tín dụng phải được xem xét cùng các biến động khó lường trong bối cảnh bất định của toàn cầu như lạm phát, tỷ giá, thanh khoản ngân hàng và kiểm soát vốn vào các lĩnh vực rủi ro, bảo đảm chất lượng tín dụng. Phương châm

điều hành tín dụng này luôn được NHNN giữ vững.

Thời gian qua, NHNN cũng liên tục phát đi thông điệp đảm bảo tăng trưởng tín dụng ở mức 14% năm 2022, có điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế. Mục tiêu này đã được NHNN nhắc lại trong Thông cáo báo chí phát đi ngày 07/9 với quan điểm: Tăng trưởng tín dụng đi đôi với an toàn, hiệu quả, hướng tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên theo chủ trương của Chính phủ; đảm bảo hỗ trợ tăng trưởng kinh tế nhưng vẫn kiểm soát lạm phát và các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro.

Các chuyên gia của Công ty Chứng khoán đầu khí (PSI) cho rằng, khả năng cao lạm phát cả năm 2022 vẫn sẽ được kiểm soát, tạo điều kiện để NHNN nói lòng hơn room tín dụng những tháng cuối năm. Tuy nhiên, theo PSI, dư địa tăng không nhiều do NHNN kiên định với mức tăng trưởng chung toàn ngành là 14% để thực hiện mục tiêu quan trọng nhất là kiểm soát lạm phát./.



Cơ giới hóa nông nghiệp đã có nhiều tiến bộ nhưng hiệu quả chưa cao. Ảnh: P. Tuấn

CƠ GIỚI HÓA ĐỒNG BỘ HƯỚNG TỚI NỀN NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG

CƠ GIỚI HÓA TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP ĐÃ CÓ NHỮNG BƯỚC PHÁT TRIỂN ĐÁNG KỂ. TUY NHIÊN, DO NÔNG DÂN GẶP KHÓ KHĂN VỀ VỐN VÀ SẢN XUẤT CÒN MANH MÚN NHỎ LẺ, CƠ SỞ HẠ TẦNG CHƯA ĐỒNG BỘ... NÊN QUÁ TRÌNH CƠ GIỚI HÓA DIỄN RA CÒN KHÁ CHẬM, GÂY Lãng phí, thất thoát trong khâu chế biến, thu hoạch, bảo quản. Vì vậy, để cơ giới hóa nông nghiệp phát triển hơn nữa, cần thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ.

» LÊ HÒA

Đã có những bước phát triển nhưng hiệu quả chưa cao

Cục trưởng Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) Lê Đức Thịnh cho biết, nhiều năm qua, lĩnh vực cơ giới hóa nông nghiệp đã có những bước phát triển đáng kể, góp phần quan trọng vào sự tăng trưởng của ngành nông nghiệp. Số lượng, chủng loại máy và thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp tăng nhanh. Giai đoạn 2011-2021, số lượng máy kéo các loại tăng 60%, máy cấy tăng 10 lần, máy bơm nước tăng 60%, máy gặt đập liên hợp tăng 80%, máy sấy nông sản tăng 30%, máy chế biến thức ăn gia súc tăng 91%, máy chế biến thức ăn thủy sản tăng 2,2 lần. Đối với sản xuất lúa giai đoạn 2008-2021, cơ giới hóa khâu làm đất tăng từ 75% lên 97%; khâu gieo sạ, cấy tăng từ 5% lên 65%; khâu chăm sóc, bảo vệ thực vật từ 55% lên 80%; khâu thu hoạch từ 15% lên 78%; khâu thu gom rơm, rạ đạt 90%...

Mặc dù vậy, ông Lê Đức Thịnh cũng thừa nhận, việc đưa máy móc, thiết bị vào sản xuất hầu như chưa đáp ứng được nhu cầu. Trong đó, mức độ cơ giới hóa mới tập trung ở một số khâu như: Làm đất, nước, thức ăn... Các máy móc, thiết bị trong nước phục vụ sản xuất nông nghiệp đa số vẫn được nhập khẩu từ các thị trường: Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Ấn Độ... Ngoài ra, công nghệ và thiết bị chế biến, bảo quản nông sản đã cũ và lạc hậu, gây tổn nhiều nguyên liệu trong sản xuất, năng suất thấp dẫn

Cả nước có hơn 7.800 doanh nghiệp cơ khí, khoảng 270 tổ chức nghiên cứu khoa học và 538.700 lao động thuần cơ khí. Trong đó, gần 20.000 cán bộ kỹ thuật được đào tạo chính quy; hơn 4.000 hợp tác xã nông nghiệp tham gia liên kết với hơn 1.860 doanh nghiệp trong sản xuất, thu hoạch chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.



Đẩy mạnh nghiên cứu và tạo chính sách phát triển doanh nghiệp chế tạo máy nông nghiệp trong nước là giải pháp bền vững và tự chủ trong việc phát triển cơ giới hóa nông nghiệp”.

PGS,TS. Nguyễn Huy Bích

đến giá thành sản phẩm cao, khó cạnh tranh. Tổn thất sau thu hoạch một số ngành hàng còn cao, như: Rau quả, sản khoảng 20-30%; cà phê, tiêu, điều, chè từ 10-15%; thủy sản đánh bắt từ 15-20%; lúa gạo từ 7-10%.

Nhiều chuyên gia nhận định, cơ giới hóa nông nghiệp đã có nhiều tiến bộ nhưng hiệu quả chưa cao. Đối với thị trường máy nông nghiệp, do phát triển tự phát, người bán và mua công nghệ không có thông tin của nhau; thiếu sự hỗ trợ của Nhà nước; thiếu chính sách khuyến khích tạo động lực đào tạo khoa học công nghệ, hạ tầng...

Phân tích rõ hơn, PGS,TS. Nguyễn Huy Bích - Trưởng khoa Cơ khí - Công nghệ, Trường Đại học Nông lâm

TP. Hồ Chí Minh - cho biết, cả nước có khoảng 7.803 doanh nghiệp cơ khí và 271 tổ chức nghiên cứu khoa học tham gia vào quá trình sản xuất máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, các sản phẩm cơ khí do trong nước sản xuất mới đạt khoảng 33% nhu cầu thị trường. Không những vậy, hiện nay, ngành cơ khí nông nghiệp đang “khát” nguồn nhân lực nhưng tỷ lệ bổ sung rất thấp.

Chú trọng đào tạo, hoàn thiện chính sách

Theo nhận định của nhiều chuyên gia, cơ giới hóa nông nghiệp là nhu cầu tất yếu của tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn. Một trong những yếu tố quan trọng để cơ giới hóa thành công là chất lượng nguồn nhân lực cũng như hệ thống đào tạo ngành cơ khí nông nghiệp phải được nâng cao hơn cả về số lượng và chất lượng.

Thực tiễn đã chứng minh không quốc gia nào thành công về cơ giới hóa với việc nhập khẩu máy nông nghiệp. Do đó, PGS,TS. Nguyễn Huy Bích cho rằng, Nhà nước cần có chính sách đồng bộ khuyến khích đầu tư vào các dự án chế tạo máy nông nghiệp (thuế, tín dụng, đất đai...), hỗ trợ mạnh mẽ cho các cơ sở chế tạo máy nông nghiệp hiện có để nâng cấp công nghệ, đặc biệt là công tác nghiên cứu vật liệu, luyện kim, đúc, công nghiệp phụ trợ và mở rộng quy mô sản xuất, đáp ứng nhu cầu thị trường.

Đại diện Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tiền Giang kiến nghị điều chỉnh mức vay tối đa 100%

giá trị máy móc, thiết bị công nghệ theo Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp trước đây. Cùng với đó, sửa đổi, bổ sung chính sách tài sản thế chấp được hình thành từ vốn vay nhằm khuyến khích nông dân mạnh dạn đầu tư mới máy móc thiết bị tiên tiến và các doanh nghiệp mạnh dạn đầu tư sản xuất máy móc thiết bị phục vụ. Đồng thời, hoàn thiện và triển khai chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn, trong đó có nhiều chính sách ưu tiên thúc đẩy hỗ trợ cơ giới hóa trong nông nghiệp.

Để cơ giới hóa nông nghiệp phát triển mạnh, nhiều ý kiến đề xuất, thay vì đầu tư vào các trung tâm nghiên cứu lớn, Nhà nước nên có chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa chế tạo ra các thiết bị, máy móc phù hợp, giá rẻ cho nông dân. Ngoài ra, Nhà nước cần có những biện pháp tích cực nhằm thiết lập lại trật tự trên thị trường máy nông nghiệp để có một nền nông nghiệp phát triển bền vững, tạo lập sự cạnh tranh lành mạnh, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng.

Để làm được điều này, cơ sở pháp lý đối với lĩnh vực này cần được xây dựng và hoàn thiện theo hướng nghiên cứu ban hành các quy định về: Khảo nghiệm mẫu đối với các máy móc, thiết bị cơ điện nông nghiệp trước khi đưa vào sử dụng; kiểm tra, giám sát chất lượng máy móc thiết bị cơ điện nông nghiệp khi nhập khẩu, chế tạo, xuất xưởng và trong quá trình sử dụng./.

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC VIỆT NAM-LÀO

XÂY ĐÁP MỐI QUAN HỆ TỐT ĐẸP ĐỂ CÙNG CỐ VỊ THỂ HAI CƠ QUAN

ĐẠI DỊCH COVID-19 DẪN ĐƯỢC KIỂM SOÁT, HAI CƠ QUAN KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC (KTNN) VIỆT NAM VÀ LÀO ĐÃ NỐI LẠI CÁC HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC CHẶT CHẼ, TOÀN DIỆN ĐƯỢC XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN TRONG NHIỀU NĂM QUA. NHÂN DỊP KỶ NIỆM 60 NĂM THIẾT LẬP QUAN HỆ NGOẠI GIAO VIỆT NAM-LÀO (05/9/1962 - 05/9/2022) VÀ 45 NĂM NGÀY KÝ HIỆP ƯỚC HỮU NGHỊ VÀ HỢP TÁC VIỆT NAM-LÀO (18/7/1977 - 18/7/2022), TỪ NGÀY 06-10/9, ĐOÀN KTNN LÀO - DO ÔNG VIÊNG-THẠ-VI-XÔN THẾP-PHẠ-CHĂN - ỦY VIÊN DỰ KHUYẾT TRUNG ƯƠNG ĐẢNG, CHỦ TỊCH KTNN LÀO DẪN ĐẦU CÓ CHUYẾN THĂM VÀ LÀM VIỆC TẠI VIỆT NAM.

THANH XUYỀN

Tự hào những kết quả đã đạt được

Ngày 06/9, tại buổi tiếp và làm việc với Đoàn Chủ tịch KTNN Lào, Phó Tổng Kiểm toán nhà nước, phụ trách KTNN Ngô Văn Tuấn khẳng định, những chuyến thăm giữa hai cơ quan đã góp phần tiếp tục vun đắp, củng cố mối quan hệ hữu nghị vĩ đại, đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện Việt Nam-Lào. Đánh giá cao những thành tựu nổi bật của KTNN Lào trong thời gian qua, Phó Tổng Kiểm toán nhà nước phụ trách Ngô Văn Tuấn nhấn mạnh: “Vai trò, vị thế của KTNN Lào đã được khẳng định trong Hiến pháp, trong Luật KTNN của Lào. Những thành quả đó đã đóng góp thiết thực vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, góp phần xây dựng đất nước Lào ngày càng giàu mạnh, có vị thế nhất định trên trường quốc tế”.

Chia sẻ một số hoạt động nổi bật của KTNN Việt Nam trong thời gian gần đây, Phó Tổng Kiểm toán nhà nước phụ trách Ngô Văn Tuấn cho biết, hiện nay, KTNN Việt Nam đang tiếp tục hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, hệ thống biểu mẫu, hệ thống Chuẩn mực KTNN... nhằm cụ thể hóa Chiến lược phát triển KTNN được Ủy ban Thường vụ Quốc hội phê duyệt vào tháng 8/2020. Trong hoạt động hợp tác quốc tế, KTNN Việt Nam đã phát huy vai trò là thành viên năng động và trách nhiệm của các tổ chức kiểm toán quốc tế; tham gia ký kết 20 Thỏa thuận quốc tế với các đối tác song phương, chủ yếu là các cơ quan kiểm toán tối cao, trong đó có Thỏa thuận hợp tác giữa KTNN Việt Nam và KTNN Lào được ký năm 2000.

Chia sẻ về hoạt động của KTNN Lào, Chủ tịch Viêng-thạ-vi-xôn Thếp-phạ-chăn cho biết, KTNN Lào được thành lập năm 1998, tổ chức thống

nhất từ trên xuống, do 1 Chủ tịch đứng đầu. KTNN Lào được chia thành ba KTNN khu vực đặt tại ba miền Bắc, Trung, Nam. Tính đến cuối tháng 4/2022, tổng số cán bộ của KTNN Lào gồm 426 người. Lợi thế của KTNN Lào là có nguồn cán bộ trẻ dồi dào, song trình độ chuyên môn nghiệp vụ còn nhiều hạn chế, chuyên môn đào tạo về kiểm toán chưa sâu. Vì vậy, việc nâng cao chất lượng đào tạo đội ngũ cán bộ là một trong những yêu cầu cấp thiết để hoàn thành nhiệm vụ mà Đảng, Nhà nước và Nhân dân giao phó. Chủ tịch KTNN Lào cũng đánh giá cao sự hợp tác, giúp đỡ hiệu quả của KTNN Việt Nam dành cho KTNN Lào trong thời gian qua. “KTNN Việt Nam có vai trò quan trọng, hỗ trợ hiệu quả, giúp đỡ KTNN Lào xây dựng Luật KTNN, xây dựng Chuẩn mực KTNN, hiến định địa vị pháp lý trong Hiến pháp

Nhà nước Lào, góp phần nâng cao vai trò, vị thế, uy tín của KTNN Lào” - Chủ tịch KTNN Lào nhấn mạnh.

Trong khuôn khổ chuyến thăm, KTNN Việt Nam và KTNN Lào đã phối hợp tổ chức Hội nghị “Chia sẻ kinh nghiệm tăng cường năng lực cán bộ và đảm bảo chất lượng kiểm toán”. Tại Hội nghị, Chủ tịch Viêng-thạ-vi-xôn Thếp-phạ-chăn bày tỏ: “Chuyến thăm này đặc biệt có ý nghĩa đối với KTNN Lào, đây cũng là cơ hội tốt để chúng tôi được tiếp thu những kinh nghiệm quý báu của KTNN Việt Nam, để tiếp tục nghiên cứu và vận dụng vào các hoạt động thực tế. Trong thời gian tới, Đoàn KTNN Lào mong muốn có thêm nhiều dịp chia sẻ kinh nghiệm trong hoạt động và thực tiễn của KTNN Việt Nam cũng như tiếp tục thắt chặt mối quan hệ giữa hai cơ quan KTNN, hai Chính phủ ngày càng sâu sắc, bền chặt”.

Tiếp tục hợp tác chặt chẽ, xây dựng hai cơ quan lớn mạnh

Về định hướng hợp tác giữa KTNN Việt Nam và KTNN Lào trong thời gian tới, Phó Tổng Kiểm toán nhà nước phụ trách Ngô Văn Tuấn đề nghị hai bên tập trung phát huy và nâng cao hiệu quả các hoạt động thường xuyên trong thời gian qua, đặc biệt là trao đổi giữa các đoàn cấp cao, lãnh đạo quản lý, hỗ trợ KTNN Lào kiện toàn thể chế, sửa đổi Luật KTNN, tổ chức bộ máy, tăng cường năng lực kiểm toán công. KTNN Việt Nam cử các chuyên gia trực tiếp hướng dẫn kiểm toán viên KTNN Lào về các lĩnh vực theo nhu cầu như: Ngân sách nhà nước, đầu tư xây dựng cơ bản, doanh nghiệp nhà nước, đầu tư dự án; đào tạo kiểm toán viên KTNN Lào tại Việt Nam và tại Lào trên cơ sở đề nghị của phía KTNN Lào.

Cùng với đó, hai cơ quan KTNN triển khai thực hiện các hoạt động hợp tác năm 2022 và những năm tiếp theo bám sát nhu cầu và năng lực của hai bên một cách hiệu quả, thực chất. Đồng thời, tăng cường tổ chức các hoạt động hợp tác trực tiếp và trực tuyến; thúc đẩy việc thực hiện thỏa thuận Chiến lược hợp tác giữa Việt Nam-Lào giai đoạn 2021-2030 và Hiệp định Hợp tác song phương giữa Việt Nam-Lào giai đoạn 2021-2025 trong hoạt động hợp tác kiểm toán.

Đối với việc hỗ trợ KTNN Lào xây dựng văn phòng điện tử (E-Office), Phó Tổng Kiểm toán nhà nước phụ trách Ngô Văn Tuấn khẳng định, KTNN Việt Nam hoàn toàn ủng hộ và sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ tối đa trong phạm vi khả năng đối với chiến lược hiện đại hoá hoạt động của cơ quan KTNN Lào. Phó Tổng Kiểm toán nhà nước phụ trách Ngô Văn Tuấn bày tỏ mong muốn, quan hệ của KTNN Việt Nam và KTNN Lào sẽ trở thành mối quan hệ mẫu mực giữa các cơ quan của hai Đảng, hai Nhà nước, góp phần ngày càng thắt chặt tình cảm hữu nghị giữa hai bên.

Chủ tịch KTNN Lào bày tỏ mong muốn tiếp tục nhận được sự hỗ trợ, hợp tác của KTNN Việt Nam trong việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua việc chia sẻ kinh nghiệm, kiến thức trong hoạt động chuyên môn, đặc biệt là lĩnh vực kiểm toán chuyên đề; khắc phục sự chồng chéo trong các hoạt động thanh tra, kiểm toán; thực hiện dự án E-Office để KTNN Lào nâng cao ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động kiểm toán...

Theo chương trình của chuyến công tác, Đoàn Chủ tịch KTNN Lào sẽ tới thăm và có buổi làm việc với Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh và KTNN khu vực VI tại Quảng Ninh./.



Phó Tổng Kiểm toán nhà nước, phụ trách KTNN Ngô Văn Tuấn tiếp Chủ tịch KTNN Lào Viêng-thạ-vi-xôn Thếp-phạ-chăn. Ảnh: N.LỘC



NGUỒN XĂNG DẦU PVNDB

Lan tỏa thành công



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
CHI NHÁNH PHÂN PHỐI SẢN PHẨM LỘC DẦU NGHI SƠN

Địa chỉ: Số 6 Huỳnh Thúc Kháng, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (024) 38252526

Fax: (024) 37725866

THEO ĐÁNH GIÁ CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ (KHĐT), CÁC KHU CÔNG NGHIỆP (KCN), KHU KINH TẾ (KKT) ĐÃ ĐÓNG GÓP TÍCH CỰC VÀO THÀNH TỰU TĂNG TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA CẢ NƯỚC NHỜ THU HÚT ĐƯỢC LƯỢNG VỐN ĐẦU TƯ LỚN, GIÚP BỔ SUNG NGUỒN LỰC QUAN TRỌNG CHO ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN...

Việc phát triển KCN, KKT thời gian qua còn bộc lộ nhiều hạn chế. Ảnh: TTXVN



GIA TĂNG NGUỒN LỰC CHO ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHỜ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP, KHU KINH TẾ

PHÚC KHANG

Mô hình thuận lợi để thu hút đầu tư

Từ năm 1991 đến tháng 6/2021, trên cả nước đã hình thành hệ thống 403 KCN, KKT, trong đó có 4 khu chế xuất (KCX) với tổng diện tích đất tự nhiên khoảng 124.700ha, tổng diện tích đất công nghiệp có thể cho thuê khoảng 83.700ha. Trong đó, có 292 KCN đã đi vào hoạt động với tổng diện tích đất tự nhiên 87.300ha, tổng diện tích đất công nghiệp đã cho thuê là 43.500ha, đạt tỷ lệ lấp đầy khoảng 70,8%. Còn 111 KCN đang trong quá trình xây dựng hạ tầng với tổng diện tích đất tự nhiên khoảng 37.400ha.

Đồng thời, có 26 KKT cửa khẩu được thành lập tại 21 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có biên giới đất liền, với tổng diện tích 765.800 ha. Cùng với đó, 18 KKT ven biển được thành lập tại 17 tỉnh, thành phố với tổng diện tích mặt đất và mặt nước 857.600ha. Các nhà đầu tư đã xây dựng hạ tầng, cơ sở sản xuất kinh doanh trên khoảng 60,9% tổng diện tích đất quy hoạch.

Bộ trưởng KHĐT Nguyễn Chí Dũng nhấn mạnh, KCN, KKT là mô hình thuận lợi để thu hút vốn đầu tư và thời gian qua, thực tế đã chứng minh được các thế mạnh này. Tính đến hết tháng 6/2021, các KCN, KKT đã thu hút được 10.239 dự án trong nước và 10.456 dự án FDI còn hiệu lực, với tổng vốn đầu tư đăng ký tương ứng khoảng 2,5 triệu tỷ đồng và 221,9 tỷ USD.

KCN, KKT đã trở thành kênh quan trọng cho thu hút nguồn lực từ các thành phần kinh tế trong nước. Vốn đầu tư trong nước vào KCN trung bình khoảng từ 40.000-50.000 tỷ đồng, vào KKT ven biển tập trung khoảng

Vốn ngân sách trung ương đã bố trí khoảng 29.313,3 tỷ đồng trong giai đoạn 2011-2019 hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật cho các KCN, KCX, KKT ven biển, KKT cửa khẩu. Các địa phương được ngân sách trung ương hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng KCN trong giai đoạn đầu đến nay đã đạt kết quả tích cực trong thu hút vốn đầu tư sản xuất kinh doanh và phát triển kết cấu hạ tầng KCN như Hà Nam, Bắc Giang, Thái Nguyên, Quảng Ngãi, Vĩnh Long...

60.000-80.000 tỷ đồng. Các KKT cửa khẩu thu hút được khoảng trên 300 dự án đầu tư với tổng vốn đầu tư đăng ký khoảng 83.000 tỷ đồng. Đồng thời, vốn đầu tư thực hiện trong KCN, KKT ngày càng tăng, chiếm tỷ trọng đáng kể trong tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội.

Tỷ lệ vốn đầu tư thực hiện trong KCN, KKT trong tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt 33,19% trong giai đoạn 2011-2015 và 29,49% trong giai đoạn 2016-2018. Lũy kế đến tháng 6/2021, vốn đầu tư thực hiện trong KCN, KKT đạt 159,4 tỷ USD và 1,52 triệu tỷ đồng, trong đó, vốn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng KCN, KKT là 5,3 tỷ USD và 388.000 tỷ đồng; vốn đầu tư của các dự án sản xuất, kinh doanh trong KCN, KKT là 154,1 tỷ USD và hơn 1,13 triệu tỷ đồng.

Các chuyên gia đánh giá rằng, việc phát triển các KCN, KKT đã đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chuyển đổi không gian phát triển. Thông qua việc phát triển kết cấu hạ tầng KCN, KKT, từ đó kết nối đồng bộ với kết cấu hạ tầng ngoài hàng rào KCN, KKT đã tác động đến việc hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội và thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nhiều địa phương và cả nước.

Cần phát triển theo hướng bền vững, gia tăng hiệu quả

Tổng kết những kết quả quan trọng trong 10 năm qua, lãnh đạo Bộ KH&ĐT nhấn mạnh, hiệu ứng lan tỏa của việc hình thành các KCN, KKT đã được hình thành, từ đó dẫn tới sự gia tăng về số lượng và quy mô các KCN, KKT. Đồng thời, việc phát triển KCN trên địa bàn cả nước góp phần hình thành nhiều khu đô thị, dịch vụ mới và hệ thống giao thông kết nối, tạo diện mạo mới cho địa phương.

Tuy nhiên, theo phân tích của các chuyên gia, bên cạnh những kết quả đạt được, việc phát triển KCN, KKT thời gian qua cũng bộc lộ một số hạn chế.

Thứ nhất, chất lượng, hiệu quả quy hoạch KCN, KKT chưa đáp ứng yêu cầu, thiếu tầm nhìn tổng thể, dài hạn. KCN, KKT được quy hoạch khá dàn trải theo địa giới hành chính, chưa bám sát yêu cầu thực tiễn, định hướng và khả năng thu hút đầu tư, lợi thế cạnh tranh của địa phương và hiệu quả sử dụng nguồn lực (đất đai, tài nguyên, nhân lực...), dẫn đến phải điều chỉnh quy hoạch nhiều lần.

Thứ hai, mô hình phát triển KCN trên thế giới đã thay đổi đáng kể theo hướng chuyên ngành, chuyên môn hóa và phát triển bền vững, đảm bảo tính hiện đại, cạnh tranh và bắt kịp tiến trình Cách mạng công nghiệp 4.0. Trong khi đó, KCN tại Việt Nam vẫn chủ yếu phát triển theo hướng đa ngành, đa lĩnh vực với mục tiêu chính là tăng diện tích lấp đầy. Trong vài năm gần đây, một số loại hình KCN sạch, KCN chuyên ngành, KCN phụ trợ đã bước đầu hình thành tại một số địa phương, song số lượng còn hạn chế...

Thứ ba, chất lượng, hiệu quả thu hút đầu tư vào KCN, KKT chưa đáp ứng yêu cầu phát triển theo chiều sâu; liên kết, hợp tác trong KCN, KKT, giữa các khu với nhau và giữa KCN, KKT với khu vực bên ngoài còn hạn chế. Các địa phương và nhà đầu tư vẫn tập trung phát triển KCN theo chiều rộng, thu hút mạnh nhà đầu tư thứ cấp.

Thứ tư, các KCN, KKT phát triển chưa bền vững và cân bằng về kinh tế, môi trường và xã hội. Hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường KCN tại một số địa phương chưa đồng bộ. Việc vận hành các công trình bảo vệ môi trường chưa nghiêm túc, tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật về môi trường. Một số KKT ven biển được định hướng thu hút đầu tư các ngành công nghiệp nặng như: lọc hóa dầu, nhiệt điện, luyện cán thép, có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao, thậm chí đã có sự cố nghiêm trọng trên thực tế...

Cùng với đó, hiệu quả sử dụng đất tại KCN, KKT chưa cao. Tỷ suất thu hút đầu tư trung bình của dự án đầu tư trong KCN56 là 4,61 triệu USD/ha đất công nghiệp đã cho thuê. Tỷ lệ này tuy có gia tăng qua các thời kỳ nhưng vẫn tương đối thấp. Ngoài ra, nguồn vốn NSNN hỗ trợ phát triển hạ tầng KCN, KKT còn thấp so với nhu cầu.

Trước thực tế này, các chuyên gia khuyến nghị, cần chú trọng phát triển các KCN, KKT theo hướng bền vững, có chiều sâu, hướng tới cơ cấu ngành nghề có giá trị gia tăng cao, công nghệ hiện đại và bảo vệ môi trường; tăng tính liên kết giữa các KCN, KKT trong mối tương quan với liên kết ngành, liên kết vùng; cũng như cần gia tăng nguồn vốn NSNN hỗ trợ phát triển hạ tầng KCN, KKT.../.



Ngành thuế luôn đẩy mạnh chuyển đổi số và cải cách thủ tục hành chính nhằm tạo thuận lợi cho người dân và DN. Ảnh tư liệu

PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ THUẾ SỐ, TẠO THUẬN LỢI CHO NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP

NGÀNH THUẾ ĐÃ TÍCH CỰC CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, CHUYỂN ĐỔI SỐ ĐỂ THỰC HIỆN PHƯƠNG CHÂM LẤY NGƯỜI NỘP THUẾ LÀM TRUNG TÂM PHỤC VỤ VÀ GÓP PHẦN MINH BẠCH CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ.

» MINH ANH

Một trong những ứng dụng mà ngành thuế đã triển khai thành công thời gian qua là dịch vụ thuế điện tử để hỗ trợ, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp (DN) trong việc kê khai, nộp và hoàn thuế.

Hiện đại hóa công tác quản lý thuế

Tổng cục Thuế cho biết, dịch vụ khai, nộp và hoàn thuế điện tử được toàn ngành triển khai trên phạm vi toàn quốc. Đến ngày 15/8, có 864.829 DN tham gia sử dụng dịch vụ khai thuế điện tử trên tổng số 865.388 DN đang hoạt động, đạt 99,94%. Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 15/8, có 13.876.968 hồ sơ khai thuế điện tử được tiếp nhận. 99% tổng số DN đã đăng ký tham gia dịch vụ nộp thuế điện tử. Tỷ lệ DN hoàn thuế điện tử đạt trên 99%.

Bên cạnh đó, Tổng cục Thuế tiếp tục duy trì và đẩy mạnh triển khai hệ thống 479 kênh thông tin hỗ trợ người nộp thuế thống nhất từ Tổng cục Thuế đến 63 cục thuế và 413 chi cục thuế địa phương, hoạt động thường xuyên, liên tục và thông suốt 24/7. Từ đầu năm 2022 đến ngày 15/8, hệ thống đã tiếp nhận và trả lời hơn 4.300 câu hỏi, đạt 88% tổng số câu hỏi phải trả lời trong kỳ.

Đáng chú ý, ngày 21/3/2022, Tổng cục Thuế đã chính thức công bố ứng dụng thuế điện tử cho thiết bị di động (eTax Mobile) và Cổng thông tin điện tử dành cho nhà cung cấp nước ngoài (NCCNN). Theo đó, người nộp thuế có thể xác thực đăng ký tài khoản eTax Mobile điện tử thông qua việc xác minh thông tin về

Việc triển khai dịch vụ khai, nộp và hoàn thuế điện tử đạt kết quả ấn tượng với 99,94% DN tham gia sử dụng dịch vụ khai thuế điện tử, 99% tổng số DN đã đăng ký tham gia dịch vụ nộp thuế điện tử, trên 99% DN hoàn thuế điện tử.

Ngành thuế phấn đấu đến năm 2025, mức độ hài lòng của người nộp thuế với sự phục vụ của cơ quan thuế đạt tối thiểu 90%; đến năm 2030, mức độ hài lòng đạt tối thiểu 95%.

số điện thoại, số tài khoản và số chứng minh nhân dân/căn cước công dân trên hệ thống của ngân hàng thay vì việc người nộp thuế phải đến cơ quan thuế để làm thủ tục. Đến nay, việc nộp thuế điện tử trên ứng dụng eTax Mobile đã tích hợp với 10 ngân hàng và sẽ mở rộng với các ngân hàng khác. Đến ngày 15/8, đã có 116.643 lượt tải, cài đặt, sử dụng ứng dụng eTax Mobile. Tổng cộng đã có gần 60.190 giao dịch qua ngân hàng thương mại với tổng số tiền trên 290 tỷ đồng (đã nộp thành công 54 tỷ đồng).

Với Cổng thông tin điện tử dành cho NCCNN, NCCNN có thể gửi hồ sơ và tra cứu, nhận thông báo của cơ quan thuế về mã số thuế, số thuế phát sinh theo tờ khai, mã khoản nộp thuế để đơn giản hóa thông tin về khoản nộp thuế, hỗ trợ người nộp thuế dễ dàng nộp thuế bất cứ lúc nào và

bất cứ nơi đâu. Đến ngày 15/8, đã có 30 NCCNN đăng ký, kê khai thuế thành công.

Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính thuế

Cùng với việc số hóa nói trên, ngành thuế đã chú trọng triển khai các giải pháp cải cách thủ tục hành chính thuế, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong dịch vụ công, gồm: Điện tử hóa, số hóa thủ tục hành chính và kết nối các dịch vụ công trong lĩnh vực thuế và tích hợp với Cổng Dịch vụ công Quốc gia. Đến nay, Tổng cục Thuế đã hoàn thành triển khai 103/234 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 và tích hợp 97 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 lên Cổng Dịch vụ công Quốc gia. Nhờ đó, người dân và DN có thể thực hiện thêm các dịch vụ thuế điện tử một cách thuận lợi hơn.

Ngoài ra, Tổng cục Thuế đã hoàn thành kết nối hệ thống tích hợp với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để sử dụng mã căn cước công dân xác thực số định danh cá nhân và tổ chức khi thực hiện các thủ tục hành chính thuế; dịch vụ xác nhận thông tin hộ gia đình và dịch vụ chia sẻ thông tin công dân qua kênh kết nối với Văn phòng Chính phủ. Đến ngày 16/5, Tổng cục Thuế đã hoàn thành triển khai tiếp nhận và giải quyết hồ sơ đăng ký thuế lần đầu, thay đổi thông tin đăng ký thuế của cá nhân không kinh doanh qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia có kết nối với cơ sở dữ liệu dịch vụ công quốc gia về dân cư, tiến tới sử dụng mã định danh cá nhân làm mã số thuế. Đến ngày 15/8, Tổng cục Thuế đã tiếp nhận 610 hồ sơ đăng ký thuế

lần đầu và 1.094 hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế của cá nhân không kinh doanh qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia. 15.818.955 hồ sơ đã đồng bộ trạng thái lên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, tính từ đầu năm nay đến giữa tháng 8.

Theo lãnh đạo Tổng cục Thuế, việc sử dụng mã định danh cá nhân làm mã số thuế giúp minh bạch, thống nhất thông tin quản lý và dùng chung dữ liệu với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư sẽ đảm bảo định danh chính xác thông tin người nộp thuế là cá nhân, giảm thiểu sai sót trong quá trình người nộp thuế thực hiện thủ tục hành chính, nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế.

Theo Chiến lược Cải cách hệ thống thuế đến năm 2030, ngành thuế sẽ tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách thuế gắn với cơ cấu lại thu ngân sách nhà nước theo hướng bao quát toàn bộ nguồn thu, mở rộng cơ sở thu, nhất là các nguồn thu mới, phù hợp với thông lệ quốc tế; góp phần tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, công bằng, khuyến khích đầu tư, thúc đẩy cạnh tranh... Cùng với đó, ngành thuế sẽ tiếp tục xây dựng cơ quan thuế hiện đại, tinh gọn; công tác quản lý thuế, phí và lệ phí thống nhất, minh bạch, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ của người dân và DN; quản lý thuế dựa trên nền tảng thuế điện tử và 3 trụ cột cơ bản: Thể chế quản lý thuế đầy đủ, đồng bộ, hiện đại, hội nhập; nguồn nhân lực chuyên nghiệp, liêm chính, đổi mới; công nghệ thông tin hiện đại, tích hợp, đáp ứng yêu cầu quản lý thuế trong bối cảnh nền kinh tế số.../.

NĂM VẤN ĐỀ CẦN SỬA ĐỔI LUẬT ĐẤT ĐAI 2013

TRAO ĐỔI VỚI PHÓNG VIÊN BÁO KIỂM TOÁN, GS,TSKH. ĐẶNG HÙNG VÕ - NGUYÊN THỦ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG - CHO RẰNG: CƠ SỞ ĐẤT VÀ SỰ TĂNG TRƯỞNG NÓNG CỦA THỊ TRƯỜNG BẤT ĐỘNG SẢN (BDS) MỘT PHẦN LÀ DO NHỮNG BẤT CẬP TRONG LUẬT ĐẤT ĐAI CHẠM ĐƯỢC SỬA ĐỔI. ĐỂ KHẮC PHỤC NHỮNG BẤT CẬP NÀY, VIỆC SỬA ĐỔI LUẬT ĐẤT ĐAI 2013 CẦN LƯU Ý 5 VẤN ĐỀ.

» HỒNG NHUNG (Thực hiện)

Thưa ông, từng là nhà quản lý và với vai trò một chuyên gia giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực đất đai, ông đánh giá như thế nào về thị trường BDS hiện nay?

Tôi cho rằng, thị trường BDS hiện nay rơi vào tình huống khá đặc biệt. Thứ nhất, chúng ta phải thừa nhận hoàn cảnh gây sốt đất là có. Đây là năm đầu tiên của kỳ quy hoạch mới với rất nhiều ý kiến, kiến nghị nhưng giới cò đất ở các tỉnh đã tỏ vẻ lên như là một yếu tố được duyệt trong quy hoạch. Thêm vào đó, Chính phủ có chương trình tăng đầu tư công để phát triển hạ tầng (cao tốc Bắc Nam, các tuyến kết nối các tỉnh quan trọng đã đưa vào danh sách đầu tư phát triển hạ tầng bằng đầu tư công). Hai điều kiện ấy sẽ tạo ra sự nhộn nhịp của thị trường BDS và khả năng cung rất lớn.

Thứ hai, vì nhiều lý do, các dự án, đặc biệt là dự án lớn bị dừng lại không được phê duyệt. Theo đó, mặc dù cung có điều kiện để phát triển nhưng cung thật thì vẫn bị hạn chế. Trong khi đó, nguồn cung ảo cũng cực kỳ lớn vì sau Covid-19, những người có tiền muốn đầu tư BDS để kiếm lời.

Đối với cầu, những người trước đây muốn mua nhà ở xã hội rất nhiều thì hiện nay, nhu cầu tìm nhà để sử dụng thực sự vẫn rất cao, đó là nhu cầu thật. Tuy nhiên, cầu ảo để kinh doanh BDS thì lại lớn hơn cầu thật rất nhiều. Như vậy có thể thấy, biểu hiện cung và cầu hiện nay cũng rất khác lạ so với các giai đoạn khác.

Theo ông, nguyên nhân nào dẫn đến những bất cập như ông vừa chia sẻ?

Tôi cho rằng, nếu đứng về phía Nhà nước thì nhiều bất cập của Luật Đất đai còn chậm được sửa đổi. Chỉ riêng cơ chế thu hồi đất để tạo dựng dự án, với dự án lớn thì trên đất dự án, rất nhiều loại đất khác vẫn đang tồn tại như đất thuộc diện cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước (DNNN), đất thuộc diện sắp xếp lại việc sử dụng đất trong khu vực công... Về nguyên tắc, Nhà nước cứ thu hồi, thế nhưng khi đi vào cụ



GS, TSKH. Đặng Hùng Võ . Ảnh sưu tầm



Kết quả kiểm toán của Kiểm toán nhà nước là một trong những dữ liệu để chúng ta đánh giá chính xác việc quản lý, sử dụng đất đai. Những kiến nghị kiểm toán chính là cơ sở quan trọng để chúng ta sửa đổi chính sách, pháp luật về đất đai.

GS,TSKH. Đặng Hùng Võ

thể, nếu đây là đất nông nghiệp thì thu hồi được nhưng nếu là đất hành chính sự nghiệp hoặc DNNN đang dùng thì lại theo quy định khác.

Nhiều bất cập khác của Luật Đất đai cũng làm cho cơ chế Nhà nước thu hồi đất hiện nay bị “thùng” lung tung, không phải là một cơ chế hoàn chỉnh. Những hoàn chỉnh được Luật Đất đai đặt ra thì không trúng. Tôi ví dụ, trong Luật Đất đai 2013, đổi mới cơ bản nhất chính là Nhà nước thu hồi đất theo quy hoạch đem ra đấu giá. Thế nhưng bản thân doanh nghiệp không hứng thú gì với

chuyện đấu giá. Họ chỉ dùng đấu giá để làm lợi cho mình khi thấy có khả năng. Đấu giá đất chỉ có ở cấp huyện đối với loại chia lô bán nền. Còn đối với dự án đầu tư, các doanh nghiệp không thích đấu giá. Họ mận mà với cơ chế đấu thầu dự án có sử dụng đất hơn. Như vậy, riêng về cơ chế thu hồi đất theo Luật Đất đai 2013 đã cho thấy nhiều bất cập cần được sửa đổi.

Vậy ông có kiến nghị như thế nào đối với việc sửa đổi Luật Đất đai 2013?

Vấn đề sửa đổi Luật Đất đai 2013 có rất nhiều. Tôi có thể điểm lại 5 vấn đề sau:

Thứ nhất, Nhà nước đặt vấn đề cơ chế đấu giá đất là không đúng. Chẳng hạn, Mỹ và rất nhiều nước khác quản lý theo kiểu chỉ có hai loại đất là đất nguyên gốc và đất được con người đầu tư phát triển, tức là đất có xây dựng và đất không xây dựng. Đất không xây dựng nguyên gốc như thế nào là để nguyên như thế. Vấn đề quy hoạch này được phát triển, đất kia được phát triển, sau đó, Nhà nước bán quyền phát triển. Ai

mua quyền phát triển thì đến xây dựng. Họ chỉ đấu giá đối với trường hợp đất công, đất hoàn toàn của Nhà nước. Đây là điều chúng ta phải nghiên cứu. Chúng ta đừng nghĩ cứ thu cho Nhà nước lớn thì có nghĩa là Nhà nước được nhiều, có thể Nhà nước được nhiều tiền nhưng rất hại cho sự phát triển. Tôi đồng ý là cái gì thu, chúng ta không được để lọt. Thế nhưng đừng để một cơ chế cứ “bốc” giá đất lên quá cao mà nhiều người tham gia với mục tiêu khác chứ không phải mục tiêu làm dự án.

Thứ hai, nếu một cơ quan nhà nước được giao cả hai chức năng sở hữu và quản lý thì điều này dẫn đến tình trạng “vừa đá bóng, vừa thổi còi”. Từ Luật Đất đai lần đầu được ban hành đến Luật Đất đai 2013, Ủy ban nhân dân (UBND) cấp tỉnh và UBND cấp huyện đều được giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, gia hạn sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất đối với người đang sử dụng... Vấn đề đặt ra là một cơ quan nhà nước giao đất mà

sai luật thì đáng lẽ cơ quan quản lý phải “thối còi”, nhưng cơ quan quản lý lại chính là cơ quan giao đất thì làm sao có thể “thối còi” được.

Thứ ba, chúng ta phải nâng cấp hệ thống định giá đất Việt Nam bằng cách tiếp thu những tiêu chuẩn định giá quốc tế, đào tạo đội ngũ định giá khách quan, có năng lực cao, đạo đức tốt. Hiện nay, hệ thống định giá của Việt Nam còn kém. Mặt khác, suy nghĩ của những nhà quản lý vẫn cho rằng chúng ta không đại gì tốn tiền vào việc định giá trong khi có thể thu xếp được với nhau. Đây là tư duy cực kỳ sai. Kinh nghiệm của Nhật Bản cho thấy, khi sang Việt Nam làm bất kỳ dự án nào, họ cũng nghiên cứu từ tiền khả thi, đến khả thi, đến chuẩn bị đầu tư rất kỹ lưỡng. Cả quá trình ấy họ bỏ kinh phí khoảng 10% dự án nhưng họ cho đây là điều cần thiết phải làm. Hơn nữa, các nước định giá đất trước khi có quy hoạch, sau này, giá tăng lên thì đây là việc của thị trường. Chúng ta thì lại đưa ra một phương pháp định giá đất là lấy bảng giá nhân với hệ số. Bảng giá do UBND cấp tỉnh quy định. Hệ số cũng do UBND cấp tỉnh quyết định. Giá theo thị trường nhưng lại được hình thành theo quyết định của UBND tỉnh. Trong khi thị trường có tính độc lập, khách quan, không phụ thuộc ý chí quản lý của Nhà nước.

Thứ tư là bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, ta vẫn có một quy định mang tính khẩu hiệu: Nhà nước sẽ bồi thường theo loại đất đã thu hồi. Trường hợp không có đất cùng loại, Nhà nước bồi thường bằng tiền với giá trị ngang với giá trị đất thu hồi. Thế nhưng Đà Nẵng bồi thường cả bằng căn hộ chung cư, ki ốt, những cửa hàng nhỏ tại phố này, phố kia. Tôi đã nói chuyện với người dân Đà Nẵng, họ rất ủng hộ thuận với cơ chế này. Không khó khăn gì cả, trên một thửa đất, người ta xây 30-40 tầng thì không biết bao nhiêu thứ để bồi thường mà giá trị đối với dân cũng thuận lợi, Nhà nước cũng không thiệt thòi gì.

Cuối cùng, đã đến lúc chúng ta phải xây dựng hệ thống quản lý đất đai 4.0 để người dân đỡ phải ôm sổ đỏ chỉ sợ mất cắp hay để phòng in lậu. Lúc đó, chúng ta không chỉ quản lý thửa đất mà quản lý từ quá trình quy hoạch cho đến quá trình xây dựng, cập nhật thường xuyên và quản lý theo thời gian thực.

Xin trân trọng cảm ơn ông!.

CẢNH GIÁC VỚI LỪA ĐẢO TRONG THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ!

XU THẾ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ ĐÃ VÀ ĐANG MỞ RA NHIỀU CƠ HỘI GIAO THƯƠNG CHO CỘNG ĐỒNG DOANH NGHIỆP (DN) VIỆT NAM. TUY NHIÊN, DN CŨNG PHẢI ĐỐI MẶT VỚI NGUY CƠ BỊ TRANH CHẤP, LỪA ĐẢO LỚN HƠN, PHỨC TẠP HƠN. DO ĐÓ, CÁC DN CẦN NÂNG CAO KHẢ NĂNG PHÒNG NGỪA ĐỂ KHÔNG BỊ “SẬP BẦY” LỪA ĐẢO TRONG THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ.

DIỄN THIÊN

Gia tăng nguy cơ tranh chấp, lừa đảo trong thương mại quốc tế

Ông Đậu Anh Tuấn - Phó Tổng Thư ký, Trưởng Ban Pháp chế Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) - cho biết, hiện nay, Việt Nam đã là một nền kinh tế rất mở. Trong khu vực Đông Nam Á, độ mở của nền kinh tế Việt Nam chỉ đứng sau Singapore. Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu của Việt Nam hiện đã hơn 200% GDP và hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam đã có mặt tại hơn 200 quốc gia, vùng lãnh thổ trên khắp thế giới. Tuy nhiên, khi Việt Nam hội nhập sâu rộng hơn, các DN làm ăn với nhiều đối tác hơn, họ cũng phải đối mặt với nhiều hình thức tranh chấp, lừa đảo trong thương mại quốc tế ngày càng lớn hơn, phức tạp hơn.

Theo đó, các hành vi tranh chấp, lừa đảo có thể là việc đối tác nước ngoài ký hợp đồng bán hàng cho DN Việt Nam nhưng không giao hàng hoặc giao hàng không đúng số lượng, chất lượng đã thỏa thuận; hoặc đối tác nước ngoài ký hợp đồng mua hàng của DN Việt Nam nhưng không thanh toán, làm giả chứng từ hay lừa lấy chứng từ để nhận hàng... “Theo một kết quả khảo sát do PwC Việt Nam thực hiện trong năm 2022, có 52% DN Việt cho biết họ đã từng trải nghiệm lừa đảo thương mại quốc tế trong 2 năm trước thời điểm khảo sát. Con số này cao hơn mức 46% của khu vực châu Á - Thái Bình Dương và mức 49% của toàn cầu” - ông Đậu Anh Tuấn thông tin.

Nhận diện về nguyên nhân, ông Trần Thanh Hải - Phó Cục trưởng Cục Xuất nhập khẩu, Bộ Công Thương - cho rằng, do đặc thù DN Việt Nam phần lớn là có quy mô vừa và nhỏ, nhiều DN năng lực, kinh nghiệm trong giao dịch quốc tế còn hạn chế nên rất dễ rơi vào bẫy lừa đảo hoặc vướng vào các vụ việc tranh chấp thương mại quốc tế. Nguyên nhân khác còn là do DN lựa chọn phương thức thanh toán chưa phù hợp hay nghiên cứu chưa kỹ hợp đồng, trong nhiều trường hợp, hợp đồng do đơn vị môi giới



DN xuất khẩu cần chủ động nhận diện các thủ đoạn lừa đảo trong thương mại quốc tế. Ảnh sưu tầm

Theo Hiệp hội Chuyên gia chống lừa đảo toàn cầu, các DN toàn cầu thiệt hại khoảng 5% doanh thu mỗi năm vì bị lừa đảo; giá trị trung bình một vụ lừa đảo là 1,7 triệu USD, giá trị trung vị là 117.000 USD. Trên toàn cầu, tỷ lệ DN cho biết họ là nạn nhân của lừa đảo và tội phạm kinh tế vào năm 2018 là 49%, năm 2020 là 47% và năm 2022 là 46%.



Trong năm 2022, có 52% DN Việt cho biết họ đã từng trải nghiệm lừa đảo thương mại quốc tế trong 2 năm trước thời điểm khảo sát. Con số này cao hơn mức 46% của khu vực châu Á - Thái Bình Dương và mức 49% của toàn cầu.

Đậu Anh Tuấn
Phó Tổng Thư ký VCCI

soạn thảo rất đơn giản, thiếu nhiều điều khoản quan trọng nhưng DN vẫn chấp nhận...

Chia sẻ thêm, ông Bạch Khánh Nhựt - Phó Chủ tịch Thường trực Hiệp hội Điều Việt Nam - cho hay, nhiều DN Việt còn quá tin tưởng vào công ty môi giới; bỏ qua khâu kiểm tra đối tác, trong khi đây là một yêu cầu bắt buộc, nhất là khi giao dịch với đối tác mới. Đơn cử, trong vụ các DN Việt Nam suýt mất trắng hàng chục container hạt điều khi xuất khẩu sang

Italia hồi tháng 3 vừa qua, Thương vụ Việt Nam tại Italia hỗ trợ DN đi kiểm tra, xác minh đối tác nhập khẩu, tuy nhiên, hầu hết công ty nhập khẩu đều có địa chỉ là nhà dân, ở vùng sâu vùng xa, không hoạt động, thậm chí có công ty là ngôi nhà bỏ hoang giữa cánh đồng.

Doanh nghiệp cần chủ động phòng ngừa rủi ro

Theo ông Trần Thanh Hải, những năm gần đây, các Thương vụ Việt Nam ở nước ngoài, Bộ Công Thương và một số đơn vị liên quan đã liên tục phát đi những cảnh báo về các dấu hiệu, thủ đoạn tranh chấp, lừa đảo trong thương mại quốc tế nhưng tình trạng DN Việt Nam trở thành nạn nhân của các vụ việc tranh chấp, lừa đảo quốc tế vẫn còn khá phổ biến. Vụ việc 7 DN chế biến xuất khẩu điều sang Italia bị mất quyền kiểm soát 35 bộ chứng từ gốc, với giá trị hàng hóa ước tính lên đến hàng trăm tỷ đồng là ví dụ cho thấy các DN Việt Nam cần hết sức thận trọng và chuẩn bị kỹ càng về mọi mặt, nhằm giảm thiểu các rủi ro khi giao dịch với đối tác nước ngoài.

Cụ thể, ông Hải cho rằng, về thanh toán quốc tế, DN cần lựa chọn phương thức thanh toán phù hợp. Trong 3 phương thức thanh toán quốc tế phổ biến, phương thức chuyển tiền (T/T) thường dùng cho khách

hàng mới, phương thức nhờ thu chỉ dùng với khách hàng thân thiết và phương thức thư tín dụng (L/C) được sử dụng cho hợp đồng giá trị lớn. Bên cạnh đó, DN cũng cần lưu ý, ngân hàng có hệ thống đại lý của mình và có thể tư vấn cho người bán biết một ngân hàng do người mua chỉ định có tin tưởng được hay không. Nếu không tin tưởng ngân hàng do người mua chỉ định, người bán nên thương lượng, đề nghị người mua chuyển sang ngân hàng khác, hoặc thay đổi phương thức thanh toán

Ngành hải quan thu ngân sách gần 295.000 tỷ đồng, tăng 14,6% so với cùng kỳ

Tổng cục Hải quan cho biết, tháng 8/2022, số thu ngân sách của ngành hải quan đạt hơn 30.000 tỷ đồng. Cụ thể, số thu ngân sách từ hoạt động xuất nhập khẩu từ ngày 01-30/8 đạt 31.714 tỷ đồng, nâng số thu ngân sách từ đầu năm đến ngày 30/8 đạt 294.367 tỷ đồng, bằng 83,6% dự toán được giao, bằng 79,6% chỉ tiêu phấn đấu, tăng 14,6% so với cùng kỳ năm 2021.

Về hoạt động xuất nhập khẩu, tháng 8/2022, tổng kim ngạch ước đạt 64,34 tỷ USD, tăng 5,2% so với tháng trước (tương ứng tăng 3,2 tỷ USD). Trong đó, xuất khẩu ước

hay yêu cầu phải có thêm bảo lãnh ngân hàng. Ngoài ra, DN cần yêu cầu người mua đặt cọc, điều này vừa giúp chứng minh người mua thực sự có tài khoản ở ngân hàng, vừa thể hiện cam kết, ý chí thực sự của người mua.

Ông Đặng Khánh Linh - Phó Vụ trưởng Vụ Tổng hợp Kinh tế, Bộ Ngoại giao - lưu ý thêm, DN cần kiểm tra, xác minh kỹ lưỡng, toàn diện các thông tin về đối tác như đề nghị cung cấp các giấy tờ cơ bản để kiểm chứng mức độ uy tín, tình hình tài chính, khả năng tín dụng của đối tác; tối ưu nhất là DN nên thuê các công ty tư vấn, luật sư uy tín tại nước sở tại hoặc liên hệ cơ quan đại diện, Thương vụ Việt Nam ở nước ngoài hỗ trợ xác minh đối tác trước khi đàm phán, ký hợp đồng lớn.

Bên cạnh đó, DN phải nghiên cứu kỹ hợp đồng và khi giao dịch cần lưu ý một số vấn đề như: Nắm chắc các nguyên tắc, thông lệ trong thương mại quốc tế, vai trò, trách nhiệm của các bên trong hợp đồng; áp dụng phương thức thanh toán phổ biến, an toàn như thư tín dụng không hủy ngang có xác nhận tại các ngân hàng quốc tế uy tín để được ngân hàng bảo lãnh; chủ động thuê tàu vận chuyển hàng và xuất khẩu theo điều kiện phù hợp để có quyền kiểm soát tốt hơn chứng từ gốc.../.

đạt 33,38 tỷ USD, tăng 9,1% (tương ứng tăng 2,78 tỷ USD) và nhập khẩu ước đạt 30,96 tỷ USD, tăng 1,4% (tương ứng tăng 428 tỷ USD).

Lũy kế từ đầu năm đến tháng 8, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu ước đạt 497,64 tỷ USD, tăng 15,5%, tương ứng tăng 66,63 tỷ USD so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, xuất khẩu ước đạt 250,8 tỷ USD, tăng 17,3% (tương ứng tăng 37,05 tỷ USD) và nhập khẩu ước đạt 246,84 tỷ USD, tăng 13,6% (tương ứng tăng 29,58 tỷ USD).

Như vậy, trong tháng 8, cả nước ước xuất siêu 2,42 tỷ USD. Tính chung từ đầu năm đến hết tháng 8/2022, ước tính xuất siêu 3,96 tỷ USD./.

THUY ANH



TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM
FUELLING VALUES TO LIFE



Toà nhà PV GAS Tower, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Phước Kiển, Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-28) 3781 6777 | Fax: (84-28) 3781 5666 | Email: pvgas@pvgas.com.vn | Website: <http://www.pvgas.com.vn>

KIỂM TOÁN

Tổng biên tập: **NGUYỄN LƯƠNG THUYẾT**
Phó Tổng biên tập: **Mai Hải Đường**

Trụ sở: 111 Trần Duy Hưng - Cầu Giấy - Hà Nội
Email: baokiemtoan@sav.gov.vn
Website: baokiemtoannhanuoc.vn,
www.auditnews.vn

Điện thoại: Phòng Trị sự (024) 6276 7891,
Phòng Phát hành - Quảng cáo 6282 2201
Phòng Báo điện tử, Phòng Thư ký tòa soạn, Phòng Phóng
viên, Phòng Chuyên đề: 6282 2176; Fax: (024) 6282 2191

Tài khoản: Bảo Kiểm toán - 1251 0000 103218
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh
Đồng Đô

Giấy phép hoạt động báo chí in: Số 806/GP-BTTTT
ngày 14/5/2012 của Bộ Thông tin và Truyền thông
Chế bản vi tính tại Tòa soạn
In tại Công ty TNHH MTV In Quân đội 1

Giá: 5.800đ